



HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – BÙI HỒNG QUÂN (Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH – NGUYỄN THANH HUÂN
ĐỖ CÔNG NAM – CAO THÀNH TẤN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN SÁCH GIÁO VIÊN

9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỖNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên) – BÙI HỔNG QUÂN (Chủ biên)
ĐÀO LÊ HOÀ AN – TRẦN TUẤN ANH – NGUYỄN THANH HUÂN
ĐỖ CÔNG NAM – CAO THÀNH TẤN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ngulieu.id.vn

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU – VŨ TRỌNG THANH

Thiết kế sách: HUỖNH THỊ TRÚC LINH

Trình bày bìa: TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU – TRẦN LÊ NHẤT TÚ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9 – SÁCH GIÁO VIÊN

(CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HG9G001M24

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/64-2346/GD

Số QĐXB: ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-40359-9

Lời mở đầu

Quý thầy cô thân mến!

Với mong muốn đồng hành cùng quý thầy cô giáo dạy môn Giáo dục công dân, nhóm tác giả sách giáo khoa Giáo dục công dân 9, bộ sách Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tâm huyết, đầu tư biên soạn *Giáo dục công dân 9 – Sách giáo viên*. Sách bao gồm: một số vấn đề cơ bản của phương pháp, kĩ thuật dạy học Giáo dục công dân 9 và những vấn đề có liên quan đến việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học này.

Sách giáo viên khai thác theo hướng thiết thực, hiệu quả cho việc dạy và học môn Giáo dục công dân, cụ thể như sau:

Phần nội dung chung: các vấn đề cơ bản đảm bảo phù hợp với định hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực và nhất quán với các chuyên đề bồi dưỡng phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 trên cả nước.

Phần nội dung cụ thể: nhóm tác giả tập trung vào các tri thức cơ bản, kèm theo đó là các ví dụ minh họa cụ thể và các gợi mở để khai thác, tổ chức dạy học hiệu quả cho từng chủ đề, bài học.

Với mỗi chủ đề, bài học cụ thể, nhóm tác giả đã tập trung khai thác cách thức tổ chức các hoạt động của giáo viên theo phương châm lấy học sinh làm trung tâm. Trên cơ sở đó, các thầy cô có thể tiến hành theo điều kiện cụ thể của nhà trường và thể mạnh của bản thân, nhất là dựa trên phẩm chất, năng lực của học sinh để giúp phát triển các em, nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt đã đề ra.

Rất mong cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành cùng với quý thầy cô. Những nội dung trong sách giáo viên sẽ là những định hướng, gợi mở thú vị để các thầy cô tạo nên những tiết học ý nghĩa, mang đến những cảm xúc tích cực cho giáo viên và học sinh khi học tập môn Giáo dục công dân lớp 9.

Chúc quý thầy cô sẽ có những kế hoạch bài dạy thật hiệu quả!

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 95

1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân	5
2. Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn Giáo dục công dân	5
3. Nội dung môn Giáo dục công dân lớp 9	8
4. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa Giáo dục công dân 9	8
5. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9	26
6. Đánh giá kết quả giáo dục	29
7. Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân lớp 9	30
8. Tài nguyên dạy học	35
9. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	35

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC

TRONG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 938

Bài 1: Sống có lí tưởng	38
Bài 2: Khoan dung	47
Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	55
Bài 4: Khách quan và công bằng	63
Bài 5: Bảo vệ hoà bình	71
Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả	79
Bài 7: Thích ứng với thay đổi	87
Bài 8: Tiêu dùng thông minh	95
Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	103
Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	117

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GDCD :	Giáo dục công dân	SGK :	Sách giáo khoa
HS :	Học sinh	SGV :	Sách giáo viên
SBT :	Sách bài tập	Tr. :	Trang
GV :	Giáo viên		

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

1. VỊ TRÍ VÀ MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 (gồm Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD), GD CD được hợp thành từ 3 môn học ở 3 cấp học: Đạo đức cấp Tiểu học, GD CD cấp Trung học cơ sở và Giáo dục kinh tế và pháp luật cấp Trung học phổ thông.

Ở cấp THCS, môn GD CD giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS tiếp cận 2 mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân:

1. Giúp HS có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản cũng như giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó, khơi dậy lòng tự hào về truyền thống quê hương; biết bảo tồn di sản văn hoá; biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, biết cách ứng xử trước các hiện tượng, sự kiện xảy ra trong cuộc sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội cũng như môi trường sống xung quanh.

2. Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ, hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với biến đổi xã hội và giải quyết được các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, môn GD CD một mặt cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác, tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp Trung học cơ sở, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được chương trình môn học quy định như sau:

2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

a. Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản về nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận thức được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

b. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp, khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

c. Điều chỉnh hành vi

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng tới các giá trị tốt đẹp.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

2.2. Năng lực phát triển bản thân

a. Tự nhận thức bản thân

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

b. Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân với sự tư vấn của thầy, cô giáo và người thân.

c. Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Kiên trì hoàn thành mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a. Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

b. Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

– Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

3. NỘI DUNG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

Đối với cấp Trung học cơ sở, trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, môn GDCC được quy định với nội dung giáo dục gồm:

- Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Giáo dục kĩ năng sống: trọng tâm là các kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân và tự bảo vệ.
- Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng, chi tiêu cá nhân.
- Giáo dục pháp luật: chủ yếu là quyền và nghĩa vụ công dân.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn GDCC lớp 9 được quy định qua 10 chủ đề cụ thể, bao gồm: Sống có lí tưởng; Khoan dung; Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; Khách quan và công bằng; Bảo vệ hoà bình; Quản lí thời gian hiệu quả; Thích ứng với thay đổi; Tiêu dùng thông minh; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

4. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

4.1. Cấu trúc chung của sách giáo khoa Giáo dục công dân 9

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở bậc Trung học cơ sở, đồng thời, đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình, SGK GDCC 9 được chia thành 10 bài học dựa trên 10 chủ đề đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCC. Cụ thể như sau:

Bài 1: Sống có lí tưởng

Bài 2: Khoan dung

Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

Bài 4: Khách quan và công bằng

Bài 5: Bảo vệ hoà bình

Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả

Bài 7: Thích ứng với thay đổi

Bài 8: Tiêu dùng thông minh

Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

Như vậy, thời lượng dành cho các chủ đề/ bài học được phân bổ như sau:

Nội dung	Chủ đề	Tên bài học	Số tiết
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%) 12,5 tiết	Sống có lí tưởng	Sống có lí tưởng	2 tiết
	Khoan dung	Khoan dung	3 tiết
	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	3 tiết
	Khách quan và công bằng	Khách quan và công bằng	2,5 tiết
	Bảo vệ hoà bình	Bảo vệ hoà bình	2 tiết
– Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra, đánh giá: 1 tiết			
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG 20% (7 tiết)	Quản lí thời gian hiệu quả	Quản lí thời gian hiệu quả	4 tiết
	Thích ứng với thay đổi	Thích ứng với thay đổi	3 tiết
GIÁO DỤC KINH TẾ 10% (3,5 tiết)	Tiêu dùng thông minh	Tiêu dùng thông minh	3,5 tiết
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 25% (8,5 tiết)	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	4 tiết
	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	4,5 tiết
– Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 1 tiết – Kiểm tra, đánh giá: 1 tiết			
Tổng số tiết: 35 tiết; Lên lớp bài dạy: 31 tiết; Luyện tập/ Ôn tập/ Tổng kết: 2 tiết; Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết.			

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bổ thời lượng dạy học cho các bài học trong SGK GDCC 9 đã đáp ứng quy định của chương trình môn học. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bổ mang tính định hướng, do đó, khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và năng lực thực sự của HS, cũng như thực tế dạy học ở mỗi lớp để chủ động thiết kế kế hoạch dạy học, sắp xếp nội dung và phân bổ thời lượng một cách thích hợp với sự đồng thuận của GV bộ môn và Ban Giám hiệu nhà trường.

4.2. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học môn Giáo dục công dân lớp 9

Dựa trên cơ sở Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK⁽¹⁾ (sau đây viết gọn là Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7), bài học trong SGK GDCC 9 bao gồm 4 thành phần cơ bản: *Mở đầu*, *Khám phá*, *Luyện tập* và *Vận dụng*.

– Giai đoạn Mở đầu:

+ GV tổ chức hoạt động khởi tạo cảm xúc, yêu cầu HS huy động kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng để bộc lộ cảm xúc và hiểu biết về những vấn đề liên quan đến chủ đề/ bài học. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, hoạt động giáo dục nếu gắn liền với những cảm xúc tích cực thì mới đạt hiệu quả cao.

+ Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới việc khai thác, khơi dậy cảm xúc, hiểu biết của các em như: em rút ra được điều gì?; em liên hệ đến điều gì hay em cảm thấy như thế nào?;...

– Giai đoạn Khám phá:

+ GV tổ chức hoạt động tìm hiểu, khám phá kiến thức, kĩ năng, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp. Từ đó, HS hình thành được phẩm chất, năng lực cụ thể gắn với yêu cầu cần đạt ở từng đề tài, chủ đề.

+ Những câu hỏi, yêu cầu thường đặt ra ở giai đoạn này là: em hãy chỉ ra những biểu hiện ...; theo em, cách xử lí nào là phù hợp ...?; em hãy xác định quy trình phù hợp ...; em nên làm gì?;...

– Giai đoạn Luyện tập:

+ Trên cơ sở nhận thức rõ được biểu hiện, nguyên nhân, quy trình, cách thức thực hiện, GV tổ chức cho HS vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở các hoạt động trước vào từng tình huống, hoàn cảnh cụ thể để xác định được hành

⁽¹⁾ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

động phù hợp. Hoạt động luyện tập cần thể hiện được động cơ tích cực từ bên trong của HS để giải quyết những vấn đề cụ thể gắn với yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo từng đề tài, chủ đề.

+ GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập, lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống có thực hoặc giả định.

– *Giai đoạn Vận dụng*

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học). Hoạt động này giúp HS hình thành, rèn luyện thói quen thực hiện hành vi tích cực, phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày.

4.3. Ma trận chung chủ đề/ bài học – Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt Chủ đề/ bài học	1	2	3	4	5
Bài 1. Sống có lí tưởng	Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.	Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.	Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.	Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.	
Bài 2. Khoan dung	Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.	Nhận biết được giá trị của khoan dung.	Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.	Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.	

Bài 3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.	Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.	Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.	Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.	Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.
Bài 4. Khách quan và công bằng	Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.	Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.	Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.	Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.	
Bài 5. Bảo vệ hoà bình	Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.	Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.	Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.	Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.	Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.
Bài 6. Quản lí thời gian hiệu quả	Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.	Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.	Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.	Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.	
Bài 7. Thích ứng với thay đổi	Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.	Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.	Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.	



Bài 8. Tiêu dùng thông minh	Nhận biết được thể nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.	Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.	Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).	Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.	Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.
Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí	Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.	Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.	Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.	
Bài 10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế	Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.	

4.4. Ma trận yêu cầu cần đạt và các hoạt động cụ thể từng chủ đề/ bài học

CHỦ ĐỀ 1: SỐNG CÓ LÍ TƯỞNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Sống có lí tưởng

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.

- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.
- Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Đọc lời bài hát và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 2. Đọc các thông tin và quan sát hình ảnh để thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 3. Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 4. Cho biết em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 5. Đọc câu nói và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

– Hoạt động 6. Dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá, lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

– Hoạt động 7. Suy tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân.

– Hoạt động 8. Thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Từ đó, rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1		X		
Hoạt động 2	X	X		
Hoạt động 3			X	X
Hoạt động 4		X		
Hoạt động 5			X	
Hoạt động 6				X
Hoạt động 7		X		
Hoạt động 8				X

CHỦ ĐỀ 2: KHOAN DUNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Khoan dung

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.
- Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Nêu suy nghĩ về ý nghĩa của thông điệp.
- Hoạt động 2. Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 4. Chỉ ra trong các câu tục ngữ, thành ngữ, câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung. Giải thích vì sao.
- Hoạt động 5. Đọc câu nói và xây dựng bài thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung.
- Hoạt động 6. Đọc các tình huống để nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật và tư vấn cách ứng xử phù hợp.
- Hoạt động 7. Đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.
- Hoạt động 8. Chọn một thông điệp về sự khoan dung mà em yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở em về lòng khoan dung.
- Hoạt động 9. Viết ra những điều chưa hài lòng với bản thân, người thân hoặc bạn bè; xác định nguyên nhân của những điều chưa hài lòng đó. Từ đó, đề xuất hướng giải quyết và chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1		X		
Hoạt động 2	X	X		
Hoạt động 3			X	X
Hoạt động 4	X			
Hoạt động 5		X		
Hoạt động 6			X	
Hoạt động 7				X
Hoạt động 8		X		
Hoạt động 9				X

CHỦ ĐỀ 3: TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.

– Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Kể lại tên những hoạt động, việc làm mà em và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác.

- Hoạt động 2. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

- Hoạt động 3. Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Lựa chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó.
- Hoạt động 5. Xác định tên và ý nghĩa của hoạt động trong mỗi hình ảnh.
- Hoạt động 6. Từ câu hát “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay” trong ca khúc “Khát vọng tuổi trẻ”, viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.
- Hoạt động 7. Dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện.
- Hoạt động 8. Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân đã được xây dựng trong hoạt động khám phá và báo cáo kết quả thực hiện (thông qua hình thức trình chiếu đoạn phim ngắn hoặc hình ảnh, viết bài thu hoạch,...).

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	X				
Hoạt động 2	X	X			
Hoạt động 3				X	X
Hoạt động 4				X	
Hoạt động 5	X				
Hoạt động 6		X			
Hoạt động 7			X		
Hoạt động 8				X	

CHỦ ĐỀ 4: KHÁCH QUAN VÀ CÔNG BẰNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Khách quan và công bằng

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.

– Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.

– Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.

– Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 2. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 3. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 5. Dựa vào hình ảnh, cho biết em liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng. Giải thích vì sao.

– Hoạt động 6. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi.

– Hoạt động 7. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

– Hoạt động 8. Tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống. Từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng.

– Hoạt động 9. Tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1		X		
Hoạt động 2	X	X		
Hoạt động 3		X		
Hoạt động 4		X	X	X
Hoạt động 5	X			
Hoạt động 6		X	X	
Hoạt động 7		X		X
Hoạt động 8			X	X
Hoạt động 9			X	

CHỦ ĐỀ 5: BẢO VỆ HOÀ BÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Bảo vệ hoà bình

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.
- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.
- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.
- Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.
- Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Kể tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới.
- Hoạt động 2. Đọc nội dung và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc các thông tin và quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 5. Xác định đâu là biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. Giải thích vì sao.
- Hoạt động 6. Đọc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình.
- Hoạt động 7. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 8. Tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó.
- Hoạt động 9. Thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	X				
Hoạt động 2	X	X			

Hoạt động 3	X		X		
Hoạt động 4					X
Hoạt động 5	X	X			
Hoạt động 6		X			
Hoạt động 7				X	
Hoạt động 8					X
Hoạt động 9				X	

CHỦ ĐỀ 6: QUẢN LÝ THỜI GIAN HIỆU QUẢ

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quản lý thời gian hiệu quả

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả.
- Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả.
- Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả.
- Thực hiện được kĩ năng quản lý thời gian hiệu quả.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lý thời gian của mình.
- Hoạt động 2. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc nội dung và các trường hợp để thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 4. Dựa vào cách quản lý thời gian hiệu quả, xây dựng thời gian biểu theo gợi ý và thuyết trình trước lớp.
- Hoạt động 5. Dựa vào các từ khoá, viết một câu chuyện về việc quản lý thời gian của bản thân. Sau đó, chia sẻ và nhận xét về cách quản lý thời gian từ câu chuyện của chính mình.
- Hoạt động 6. Dựa vào các cách quản lý thời gian hiệu quả, tư vấn cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp.

– Hoạt động 7. Dựa vào kết quả thực hiện thời gian biểu của bản thân trong hoạt động khám phá, báo cáo kết quả thực hiện theo gợi ý.

– Hoạt động 8. Tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này. Lựa chọn một công cụ phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1			X	
Hoạt động 2	X	X		
Hoạt động 3			X	
Hoạt động 4				X
Hoạt động 5			X	
Hoạt động 6			X	X
Hoạt động 7			X	
Hoạt động 8				X

CHỦ ĐỀ 7: THÍCH ỨNG VỚI THAY ĐỔI

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Thích ứng với thay đổi

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

– Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.

– Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.

– Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

– Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

– Hoạt động 1. Quan sát các hình ảnh và tìm ra những thay đổi đã xảy ra đối với bản thân, gia đình của nhân vật.

- Hoạt động 2. Đọc câu chuyện và các trường hợp để trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc nội dung và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Quan sát các hình ảnh để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật.
- Hoạt động 5. Cho biết em đồng tình hay không đồng tình với cách thích ứng với sự thay đổi nào. Giải thích vì sao.
- Hoạt động 6. Quan sát hình ảnh để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.
- Hoạt động 7. Đọc các tình huống và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả.
- Hoạt động 8. Suy tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	X			
Hoạt động 2	X			
Hoạt động 3		X	X	
Hoạt động 4	X			
Hoạt động 5		X		
Hoạt động 6			X	
Hoạt động 7				X
Hoạt động 8			X	X

CHỦ ĐỀ 8: TIÊU DÙNG THÔNG MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Tiêu dùng thông minh

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.

- Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.
- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).
- Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
- Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Chia sẻ về thói quen mua hàng của bản thân, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó.
- Hoạt động 2. Quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 3. Đọc nội dung, quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 4. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 5. Dựa vào biểu hiện của hành vi tiêu dùng thông minh, nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật.
- Hoạt động 6. Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp.
- Hoạt động 7. Sắp tới, gia đình em tổ chức một sự kiện (tiệc sinh nhật, họp mặt, đám tiệc,...). Hãy áp dụng cách tiêu dùng thông minh và tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp này sao cho phù hợp.
- Hoạt động 8. Lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4	YCCĐ 5
Hoạt động 1	X				
Hoạt động 2		X			
Hoạt động 3	X		X		
Hoạt động 4				X	
Hoạt động 5	X				
Hoạt động 6					X
Hoạt động 7					X
Hoạt động 8		X			

CHỦ ĐỀ 9: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.
- Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.
- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.
- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Quan sát các hình ảnh và cho biết các bạn HS đã có hành vi vi phạm pháp luật gì và phải chịu hậu quả như thế nào.
- Hoạt động 2. Quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp để thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 3. Quan sát sơ đồ và đọc thông tin để thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 4. Cho biết em đồng tình hay không đồng tình với các nhận định nào. Giải thích vì sao.
- Hoạt động 5. Xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể và cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì.
- Hoạt động 6. Xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lí tương ứng với các trường hợp.
- Hoạt động 7. Lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật (có thể chọn pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về giao thông, pháp luật về hành chính,...) trong phạm vi lớp học.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	x			
Hoạt động 2	x			

Hoạt động 3	X	X		
Hoạt động 4	X		X	
Hoạt động 5			X	
Hoạt động 6		X		
Hoạt động 7			X	X

CHỦ ĐỀ 10: QUYỀN TỰ DO KINH DOANH VÀ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ

1. THÔNG TIN CHUNG

Đề tài: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

2. MA TRẬN

2.1. Yêu cầu cần đạt

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2.2. Các hoạt động trong đề tài/ chủ đề phân tích theo pha

- Hoạt động 1. Chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.
- Hoạt động 2. Đọc thông tin, các trường hợp và thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 3. Đọc thông tin và trường hợp để thực hiện yêu cầu.
- Hoạt động 4. Cho biết em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến nào. Giải thích vì sao.
- Hoạt động 5. Nhận xét và cho biết hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của các chủ thể.
- Hoạt động 6. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Hoạt động 7. Thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

– Hoạt động 8. Viết một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế mà em biết (có thể sưu tầm từ trên báo, mạng xã hội,...) về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

2.3. Ma trận cụ thể trong đề tài/ chủ đề được mô tả như sau:

Hoạt động	YCCĐ 1	YCCĐ 2	YCCĐ 3	YCCĐ 4
Hoạt động 1	X			
Hoạt động 2	X			
Hoạt động 3		X		
Hoạt động 4			X	
Hoạt động 5		X	X	
Hoạt động 6			X	X
Hoạt động 7	X			
Hoạt động 8			X	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

5.1. Định hướng chung

Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực trong môn GD CD, trên cơ sở đó, giúp hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn GD CD như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương, trải nghiệm, xử lý tình huống, thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, thực hành,...

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS khi triển khai môn GD&CD.

– Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội khi tổ chức dạy học môn GD&CD.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học thông qua môn GD&CD với các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 chú trọng đến mục tiêu là “HS làm gì, làm thế nào từ những điều đã học?”. Do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực được vận dụng trong môn GD&CD là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tình huống thực tế cuộc sống và thông qua kỹ năng giải quyết các tình huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức môn GD&CD cho riêng mình;...

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực ứng dụng trong môn GD&CD là:

– Quá trình dạy học môn GD&CD được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó, giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

– Trong quá trình dạy học môn GD&CD, GV tổ chức hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kỹ năng chuyên biệt của môn học.

– Mục tiêu dạy học của môn GD&CD là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kỹ năng mới. Qua đó, phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống, đây cũng chính là hướng đến chuẩn đầu ra yêu cầu cần đạt một cách chặt chẽ và khoa học.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới phương pháp dạy học trong việc dạy môn GD&CD không phải thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở thực tiễn hành động của người GV dạy môn GD&CD: các phương pháp,

phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức – kĩ năng, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt HS vào các tình huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ, cảm xúc và đề xuất các giải pháp hành động,... cũng như biết phải hành động như thế nào cho phù hợp không.

Nói cách khác, đổi mới phương pháp dạy học môn GDCC không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đối với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập môn GDCC cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học tập theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kĩ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hoà với các phương pháp dạy học truyền thống;... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới phương pháp dạy học nói chung và đổi mới phương pháp dạy học môn GDCC lớp 9 nói riêng.

5.2. Định hướng dạy học

Khi sử dụng SGK GDCC 9, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

- SGK GDCC 9 khai thác kênh chữ và kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng khác nhau (minh hoạ nội dung, diễn tả tình huống,...). Do đó, GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh, chuỗi hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- SGK GDCC 9 sử dụng hệ thống câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/ sai, phân biệt lợi ích/ tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/ không theo chuẩn mực hành vi,...). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, tránh việc để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp học rơi vào những khoảng trống nặng nề.

- SGK GDCC 9 có khai thác một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập, thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần chủ động tổ chức để HS có sự chuẩn bị (hoặc gợi mở HS tự chuẩn bị) về: đạo cụ, trang phục, không gian,... để hoạt động này có thể diễn ra nhanh gọn, an toàn, hấp dẫn, đúng mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

- SGK GDCC 9 có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ, nhóm cố định, nhóm theo giới tính, nhóm theo sở thích,... và luân phiên, linh hoạt); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp,

hợp tác cũng như các biểu hiện của sự nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lý đối với một số tình huống cụ thể, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS,... để quá trình dạy học môn GD CD lớp 9 đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD, cũng như chương trình các môn học khác đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt), cho nên trong quá trình sử dụng SGK GD CD 9, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số phương thức khác của một vài hoạt động trong chủ đề,... trên tinh thần đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm HS, đảm bảo tương thích với chủ đề và đạt hiệu quả dạy học cao nhất.

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá là quá trình thu thập, xử lý và phân tích thông tin về một vấn đề nhằm xác định các loại chỉ số (số lượng, chất lượng, giá trị) trong tương quan với mục tiêu đã đặt ra từ trước, từ đó, đưa ra những nhận xét, cảnh báo, khuyến nghị,... giúp hoàn thiện, cải thiện, nâng cao chất lượng công việc. Đánh giá kết quả giáo dục nói chung và đánh giá kết quả giáo dục môn học cũng dựa trên nền tảng của quan điểm này về đánh giá.

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời, cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GD CD lớp 9 cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn GD CD của HS bậc THCS nói chung và lớp 9 nói riêng, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

- Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn GD CD, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

- Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GD CD cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

- Đánh giá quá trình học tập môn học GD CD trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học GDCC phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

7. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9

7.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, đánh giá kết quả giáo dục là đánh giá mức độ HS đạt được về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học, nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân. Đồng thời, cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình. Đánh giá kết quả giáo dục trong môn GDCC cũng tuân thủ yêu cầu này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Thời lượng dành cho đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCC là 10% trong tổng số 35 tiết ở khối lớp 9 (tương đương với 4 tiết). Nội dung là đánh giá cuối học kì và cuối năm học dựa trên kết quả môn học GDCC lớp 9.

a. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả môn GDCC lớp 9 là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của HS so với yêu cầu cần đạt của môn học, nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HS, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Trên cơ sở đó, điều chỉnh hoạt động dạy học, cách tổ chức quản lý để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

b. Nguyên tắc đánh giá

– Cần lựa chọn công cụ đánh giá phù hợp. Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GDCC, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/ sai, nên/ không nên, đồng tình/ không đồng tình, có lợi/ có hại,...

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập của môn học GDCC cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập môn học GDCC trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS ở môn học GDCC phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– Khi Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 chính thức thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về đánh giá kết quả giáo dục; GV dạy môn GD CD lớp 9 cần cập nhật kịp thời để hoàn thiện việc đánh giá toàn diện HS ở môn học này, mà trực tiếp là *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá HS Trung học cơ sở và Trung học phổ thông*.

c. Hình thức đánh giá

– *Đánh giá thường xuyên:*

Đánh giá thường xuyên là một hình thức đánh giá trong dạy học môn GD CD được thực hiện qua từng hoạt động, tiết học, bài học. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: vấn đáp, thuyết trình, viết, sản phẩm học tập,...

Mục đích của đánh giá thường xuyên là giúp GV, HS xác định mức độ được giáo dục của từng HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD lớp 9, từ đó, tác động phù hợp nhằm giúp các em tiến bộ không ngừng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình này.

Trong việc đánh giá thường xuyên của môn học GD CD, ngoài GV, cả HS cũng tự đánh giá bản thân và đánh giá lẫn nhau nhằm tạo ra sự thống nhất. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, còn có sự tham gia của các lực lượng giáo dục khác, trước hết là gia đình. Chính sự tham gia này của các lực lượng giáo dục giúp cho việc đánh giá trở nên khách quan hơn nhờ HS được đánh giá mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ, liên quan đến những bài học của môn GD CD lớp 9 về mối quan hệ với gia đình, sự đánh giá của gia đình về việc HS thực hiện hành vi là cực kì quan trọng.

Nội dung đánh giá thường xuyên trong dạy học môn GD CD lớp 9 bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo quy định của chương trình gắn với từng bài học; Các yêu cầu cần đạt theo từng nội dung, bài học được quy định trong chương trình môn học. Những nội dung này được cụ thể hoá bằng mục tiêu của từng bài GD CD, thậm chí, mục tiêu của từng hoạt động được tổ chức theo bài GD CD đó.

Ngoài ra, đánh giá thường xuyên còn quan tâm đến quá trình HS hoạt động, nhất là tư duy, để đạt được kết quả hoạt động (kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ). Do đó, khi đánh giá HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu hoạt động, mục tiêu bài học, đối chiếu với kết quả, tính đến các điều kiện thực hiện để xác định được mức độ được giáo dục của từng em.

Trong đánh giá thường xuyên, GV nhất thiết phải vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá khác nhau, nhờ đó, việc đánh giá mới bảo đảm tính khách quan, nhất là đánh giá hành vi HS. Bởi vì, các bài học GD CD liên quan đến các mối quan hệ đa dạng của các em, trong đó, có nhiều mối quan hệ ngoài nhà trường – gia đình, hàng xóm láng giềng, công trình công cộng, môi trường,... Khi đó, HS thực hiện hành vi đạo đức

mà không có mặt của thầy cô. Nhờ sự vận dụng, phối hợp các phương pháp, cộng với sự tham gia của các lực lượng giáo dục, cùng với việc tự đánh giá của HS thì hành vi của các em mới có thể được đánh giá khách quan. Sau khi có được thông tin chính xác và đầy đủ về kết quả học tập môn GDCC của mỗi em, GV cần dự kiến và tiếp tục tác động đến HS nhằm giúp từng em khắc phục những hạn chế để đạt được những yêu cầu theo bài học và tiến bộ. Theo quy định hiện hành, hình thức đánh giá thường xuyên của môn GDCC là bằng nhận xét, không cho điểm.

Ngoài ra, trong quá trình đánh giá thường xuyên, tùy tính chất các bài đạo đức, GV cần liên hệ và phối hợp với các lực lượng giáo dục, nhất là gia đình, nhằm bảo đảm hiệu quả giáo dục môn GDCC lớp 9.

– *Đánh giá định kì:*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá định kì đối với môn học GDCC được thực hiện vào bốn thời điểm: giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học.

Nội dung đánh giá định kì bao gồm: Các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù theo chương trình quy định theo các nội dung, bài đã học; Các yêu cầu cần đạt theo các nội dung, bài đã học được quy định trong chương trình môn học.

Trên cơ sở đánh giá thường xuyên, đối chiếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả đạt được của HS với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCC ở lớp 9, GV đưa ra đánh giá cá nhân HS theo một trong các mức sau:

- Hoàn thành tốt: Thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn GDCC lớp 9.
- Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu học tập của môn GDCC lớp 9.
- Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn GDCC lớp 9.

Bên cạnh đó, GV cũng cần ghi nhận sự tiến bộ của HS sau một thời gian học tập (học kì, năm học).

Những phương pháp kiểm tra, đánh giá thường được vận dụng trong đánh giá định kì môn GDCC lớp 9 là vấn đáp, kiểm tra viết, dự án học tập.

Theo *Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2021* của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá HS Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, việc kiểm tra, đánh giá môn GDCC lớp 9 được kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập:

- Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn GDCC quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định ở Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

– Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của HS không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được GV dạy môn GD CD lớp 9 theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với GV chủ nhiệm sau mỗi học kỳ tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

– Mục đích cuối cùng của môn học GD CD là hình thành và phát triển các nhận thức, hành vi phù hợp của người công dân cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

7.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

a. Phương pháp kiểm tra tự luận

Bài kiểm tra tự luận là một phương pháp kiểm tra viết nhằm kiểm tra, đánh giá bài làm của HS như nhớ lại, sắp xếp lại, vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học vào việc suy luận, giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của câu hỏi kiểm tra (như trình bày, giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, làm bài tập thực hành,...). Phương pháp này giúp GV làm rõ không chỉ kết quả học tập môn GD CD lớp 9 mà còn là quá trình HS tư duy trong việc giải quyết các vấn đề của câu hỏi, bài tập đặt ra trong quá trình học tập môn học này.

Bài kiểm tra tự luận thường được vận dụng để kiểm tra, đánh giá trong, sau khi GV tiến hành một hoạt động, tiết học, bài học. Có thể sử dụng bài kiểm tra tự luận để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS. Cụ thể, đối với kiểm tra, đánh giá kiến thức, HS trả lời những câu hỏi liên quan đến sự cần thiết (ý nghĩa, tác dụng của việc thực hiện và tác hại của việc làm trái với bài học) và cách thực hiện (những hành vi, công việc cần làm, những hành động cần tránh theo bài học quy định).

Đối với kiểm tra, đánh giá kĩ năng, HS cần đánh giá hành vi (xác định hành vi đó là đúng hay sai và giải thích vì sao) hay xử lí tình huống (nêu cách xử lí tình huống và giải thích cách giải quyết của mình) liên quan đến bài học môn GD CD lớp 9.

b. Phương pháp trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là một phương pháp kiểm tra thông qua bài viết nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS với những câu trả lời cho các câu hỏi, bài tập, về cơ bản, mang tính lựa chọn hoặc điền thêm một số từ.

Phương pháp này có hiệu quả đối với đánh giá kết quả, hạn chế trong việc đánh giá quá trình HS tư duy.

Trong dạy học môn GD&CD lớp 9, trắc nghiệm khách quan có thể được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ và kỹ năng, hành vi của HS.

Để kiểm tra, đánh giá kiến thức, có thể sử dụng nhiều những dạng câu hỏi khác nhau. Tuy nhiên, đối với từng nội dung kiến thức cụ thể, để bảo đảm hiệu quả, cần vận dụng phù hợp. Cụ thể, với nội dung sự cần thiết thực hiện các hành vi gắn với từng bài học, dạng câu hỏi trắc nghiệm thường sử dụng là điền khuyết.

Để kiểm tra, đánh giá thái độ, bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS biết bày tỏ thái độ của mình (đồng ý, không đồng ý,...) với các ý kiến, quan niệm liên quan đến bài học.

Để kiểm tra, đánh giá các kỹ năng, có thể thực hiện thông qua dạng bài tập như nhận xét hành vi, xử lý tình huống, các dạng bài tập trắc nghiệm thường được sử dụng là điền đúng/ sai, nhiều lựa chọn,...

Đối với việc kiểm tra, đánh giá hành vi, HS cần tự đánh giá việc thực hiện hành vi liên quan đến bài học.

c. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp sử dụng các giác quan (chủ yếu là thị giác và thính giác) để xem xét, làm rõ sự vật, hiện tượng theo mục đích đã xác định.

Trong dạy học môn GD&CD lớp 9, quan sát được sử dụng để kiểm tra, đánh giá cả quá trình và kết quả hoạt động của HS trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đề ra.

Phương pháp quan sát chủ yếu nhằm kiểm tra, đánh giá những biểu hiện năng lực và thái độ, hành vi của HS theo từng hoạt động, bài học của môn GD&CD lớp 9.

d. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa GV và HS nhằm làm sáng tỏ quá trình học tập của HS và những kết quả đạt được.

Phương pháp vấn đáp có thể được vận dụng để kiểm tra, đánh giá HS học tập môn GD&CD lớp 9 trước, trong và sau khi tiến hành một hoạt động, một tiết học, cũng như sau khi kết thúc một bài,...

Trong dạy học môn GD&CD lớp 9, phương pháp này giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi của HS liên quan đến bài học. Qua đó, GV có thể phát hiện không chỉ những kết quả học tập đó mà còn là quá trình HS tư duy (thường với câu hỏi "tại sao", qua đó, HS giải thích nguyên nhân, thể hiện tư duy của mình,...).

e. Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập

Phương pháp đánh giá sản phẩm học tập dựa vào sản phẩm được HS làm ra, tạo nên theo bài học để xác định kết quả học tập của các em.

Trong dạy học môn GD&CD lớp 9, những sản phẩm của HS có thể là kết quả các hoạt động khác nhau như: thảo luận nhóm, điều tra các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn,

thực hiện hành vi, công việc trong cuộc sống, dự án,... Khi đó, những sản phẩm hoạt động có thể được thể hiện qua:

- Các loại phiếu học tập (phiếu làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện, phiếu báo cáo).
- Hiện thực được cải tạo, nhất là kết quả của các hoạt động lao động (những sản phẩm này được GV quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp qua các bức ảnh).
- Tranh ảnh, thiệp, tranh tuyên truyền, cổ động,...
- Những đồ dùng (quần áo, sách vở,...), tiền bạc được HS quyên góp,...

Đối với sản phẩm là các phiếu học tập, GV nghe HS trình bày hoặc đọc kết quả được HS ghi trong phiếu, đối chiếu với đáp án (đối với làm việc cá nhân, thảo luận nhóm) hay những yêu cầu hoạt động (đối với các hoạt động điều tra, thực hiện hành vi đạo đức) để đưa ra quyết định xử lý thông tin một cách phù hợp.

Trong nhiều trường hợp, sản phẩm thể hiện qua các phiếu học tập phản ánh kết quả điều tra, thực hiện hành vi, cần có sự xác nhận của các lực lượng giáo dục liên quan.

Đối với các sản phẩm là hiện thực được cải tạo, GV cần xem xét tình trạng của sự vật, hiện tượng sau khi HS thực hiện hành vi, công việc, đối chiếu với hiện trạng trước đó (nếu có điều kiện), với những yêu cầu của hoạt động. Nhờ đó, GV nắm bắt được thông tin về những hành vi, công việc các em đã thực hiện và kết quả đạt được.

8. TÀI NGUYÊN DẠY HỌC

Khi sử dụng SGK *GD&CD 9* làm tài liệu dạy học chính thức, ngoài cuốn SGK này, tài nguyên dạy học còn có: SBT *GD&CD 9*.

Trong quá trình dạy học thực tiễn của môn *GD&CD* lớp 9, nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn *GD&CD* theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, làm chủ các chủ đề ở SGK, linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học thì GV bộ môn *GD&CD* hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này.

9. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Một số học liệu, thiết bị dạy học phục vụ cho việc dạy học môn *GD&CD* lớp 9 bao gồm: SGK *GD&CD 9*, SBT *GD&CD 9*, tranh ảnh minh họa, trò chơi ô chữ, sơ đồ tư duy,...

9.1. Sách Bài tập Giáo dục công dân 9

Khi sử dụng SGK *GD&CD 9* làm tài liệu dạy học chính thức, bên cạnh SGK, tài nguyên dạy học còn có SBT *GD&CD 9*.

SBT *GDCD 9* là tài liệu bổ trợ đi kèm SGK *GDCD 9* nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học. Tài liệu này được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 10 bài học trong SGK *GDCD 9*; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lí, thể chất HS; chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/ sai, nên/ không nên, quan sát tranh, đọc truyện, xử lí tình huống,...

9.2. Tranh ảnh, video clip

Bên cạnh SGK, SGV, *SBT GDCD 9*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam còn cung ứng bộ tranh, video clip thiết bị dạy học tối thiểu (ban hành kèm theo *Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Bộ tranh, video clip, dụng cụ tương ứng đối với các bài như sau:

Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng;

Bài 5: Bảo vệ hoà bình;

Bài 7: Thích ứng với thay đổi;

Bài 8: Tiêu dùng thông minh.

Cần lưu ý một số yêu cầu sau trong việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn *GDCD* lớp 9 nhằm phát triển năng lực đặc thù của môn *GDCD* nói riêng:

– *Thứ nhất*, coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. GV cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học của từng bài học cụ thể. Trên cơ sở đó, xác định phương tiện, thiết bị cần sử dụng, cách thức và thời điểm sử dụng. Cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, linh hoạt, hiệu quả trong tất cả các khâu của quá trình dạy học (hướng dẫn HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề, luyện tập, thực hành, vận dụng vào thực tiễn) tránh hình thức, tránh lạm dụng.

– *Thứ hai*, tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” bất đắc dĩ, mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó, giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực, rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân.

– *Thứ ba*, khai thác thiết bị dạy học trong dạy học. Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời, coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển). Các phương tiện

và thiết bị dạy học hiện đại tác động mạnh mẽ tới việc đổi mới phương pháp dạy học. Việc khai thác các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại không chỉ giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, mà còn giúp GV tiết kiệm thời gian.

– *Thứ tư*, tăng cường thiết bị dạy học tự làm. Cần động viên, khuyến khích và phát triển các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HS. Trong quá trình hình thành ý tưởng và thiết kế phương tiện, thiết bị, HS được rèn luyện ý thức chăm chỉ, tự giác, kĩ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Như vậy, hoạt động tự làm thiết bị của GV và HS không chỉ có ý nghĩa bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– *Thứ năm*, phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học. Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó, trong dạy học, GV cần phối hợp sử dụng các loại thiết bị dạy học khác nhau (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp với thiết bị tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

– *Thứ sáu*, tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan để hỗ trợ dạy học.

Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài giảng, tích cực sử dụng giáo án điện tử kết hợp với việc sử dụng thiết bị dạy học một cách linh hoạt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Tương ứng với từng chủ đề là những câu chuyện thực tế, hình ảnh bài báo, tranh vẽ minh họa để tăng tính trực quan, sinh động cho bài học.

Như vậy, có thể khẳng định rằng nếu làm chủ được các vấn đề lí luận về dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, từ vấn đề nắm vững chương trình môn học, việc làm chủ các chủ đề trong SGK, đồng thời, linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học môn học, khéo léo lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học môn học, khai thác các tài nguyên dạy học hiệu quả, vận dụng các hình thức đánh giá HS trong môn học một cách khoa học thì GV dạy học môn GDCD lớp 9 hoàn toàn có thể làm chủ được việc triển khai môn học này trong quá trình dạy học thực tiễn.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9



Bài 1

Sống có lí tưởng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm sống có lí tưởng.
- Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.
- Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam.
- Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất

Yêu nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến sống có lí tưởng.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về sống có lí tưởng.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi **Đối mặt**

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể tên những việc làm thể hiện lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về những việc làm thể hiện lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức cho HS chia lớp thành 2 đội.

– Phổ biến thể lệ trò chơi: 2 đội sẽ kể tên xen kẽ những việc làm thể hiện lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Đội nào kể được nhiều việc làm hơn trong thời gian quy định sẽ là đội giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tích cực tham gia trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV có thể cho HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc lời bài hát và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp và giải thích vì sao

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy đọc lời bài hát trong SGK tr. 5 và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp. Vì sao?

c) Sản phẩm: Nội dung trình bày và giải thích của HS về những ca từ trong lời bài hát thể hiện mục đích sống cao đẹp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc lời bài hát SGK tr. 5 và cho biết những ca từ nào thể hiện mục đích sống cao đẹp và giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc lời bài hát và suy nghĩ để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá câu trả lời phù hợp và dẫn vào nội dung bài học: Những ca từ thể hiện mục đích sống cao đẹp là: “toả ngát hương thơm cho đời”, “hiến dâng cho cuộc đời”,... Vì những ca từ này có ý nghĩa thể hiện mục đích sống cao đẹp, sống không chỉ cho bản thân mình mà còn phấn đấu để đạt được mục đích, lí tưởng, nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia và nhân loại,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc các thông tin và quan sát hình ảnh để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được thế nào là sống có lí tưởng và ý nghĩa của sống có lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK tr. 6 – 7 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về khái niệm sống có lí tưởng và giải thích ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho cả lớp làm việc theo nhóm đôi (2 bạn ngồi cùng bàn sẽ thảo luận cùng nhau). HS đọc thầm thông tin, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 6 – 7 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nêu mục đích sống của nhân vật trong các thông tin.

– Em hãy đặt tên cho bức tranh của họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo và viết lời bình.

– Em hãy xác định điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh và cho biết thế nào là sống có lí tưởng, ý nghĩa của sống có lí tưởng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá câu trả lời phù hợp:

– Mục đích sống của nhà văn Nikolai Ostrovsky trong thông tin 1: Hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất, đó là đấu tranh giải phóng loài người; Mục đích sống của Liệt sĩ Bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm trong thông tin 2: Hiến dâng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do của đất nước.

– Xúc động trước sự hi sinh của ba chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, họa sĩ Phạm Cao Thái Bảo đã vẽ bức tranh về các anh và chia sẻ: “Hồi xưa mình thường hay định nghĩa một cách ước lệ rằng, thiên thần là những con người xinh đẹp, lông lẩy, có đôi cánh để bay và nhiều phép thuật. Mãi sau này mới hiểu rằng, thiên thần cũng chỉ là những người bình thường như chúng ta nhưng họ dám sống một cuộc đời phi thường, sẵn sàng hi sinh chính mình để bảo vệ người khác...”

– Điểm chung về mục đích sống của nhân vật trong các thông tin, hình ảnh là đều xác định được mục đích sống cao đẹp, sống và hi sinh theo lí tưởng cao cả, đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

– Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

– Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.



Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam và xác định được lí tưởng sống của bản thân, nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin trong SGK tr. 7 – 8 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK tr. 7 – 8 và thực hiện các yêu cầu:

– Dựa vào các thông tin, em hãy xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

– Dựa vào nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, em hãy xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và suy nghĩ để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Từ các thông tin, chúng ta có thể xác định vai trò, nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Từ nhiệm vụ của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chúng ta có thể xác định những nhiệm vụ, việc làm của bản thân trong học tập và cuộc sống là: luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

– Sống có lí tưởng là xác định được mục đích cao đẹp, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.

– Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

– Một số lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam: phấn đấu vì lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Mỗi học sinh cần xác định được lí tưởng sống của bản thân và luôn tích cực học tập, rèn luyện sức khỏe, dành thời gian tham gia các hoạt động xã hội để hiện thực hoá lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS trình bày được thể nào là sống có lí tưởng.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến trong SGK tr. 9? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS đối với các ý kiến trong SGK tr. 9.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận cùng bạn và thể hiện quan điểm đối với các ý kiến trong SGK tr. 9:

a) Sống có lí tưởng là biết xác định mục đích của bản thân và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.

b) Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lí tưởng của thanh niên cũng giống nhau.

c) Sống có lí tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

d) Sống có lí tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động theo nhóm đôi, suy nghĩ để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS đại diện phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp như sau:

– Ý kiến a: Đồng tình. Vì ý kiến đã xác định được mục đích cao đẹp và xây dựng được kế hoạch hành động của bản thân, phấn đấu để đạt được mục đích đó.

– Ý kiến b: Không đồng tình. Vì ở mỗi thời kì và giai đoạn lịch sử khác nhau thì thanh niên sẽ có lí tưởng sống khác nhau.

– Ý kiến c: Đồng tình. Vì ý kiến này đã đề cập đến một trong những ý nghĩa vô cùng cao quý mà việc sống có lí tưởng đem lại.

– Ý kiến d: Không đồng tình. Vì người sống có lí tưởng là không chỉ sống cho bản thân mình mà còn sống vì lợi ích chung của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

Nhiệm vụ 2. Đọc câu nói để xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu nói trong SGK tr. 9 và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu nói trong SGK tr. 9 để xây dựng nội dung bài thuyết trình về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu nói và suy nghĩ để thực hiện bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến phù hợp về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng: Sống có lí tưởng tạo ra động lực thúc đẩy hoàn thành mục tiêu cá nhân; góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển; xây dựng đất nước giàu mạnh và đóng góp tích cực cho nhân loại.

Nhiệm vụ 3. Quan sát các hình ảnh để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu: HS xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 9 – 10 để phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: Nội dung phân tích của HS về suy nghĩ, việc làm của các nhân vật, đồng thời, rút ra được bài học cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 9 – 10 và phân tích suy nghĩ, việc làm của các nhân vật. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những cách thể hiện phù hợp:

– Hình 1: Suy nghĩ của nhân vật trong hình ảnh thể hiện lòng tự hào dân tộc, dù ở bất cứ nơi đâu cũng đều mang tinh thần hiếu học của dân tộc Việt Nam. Từ đó, nỗ lực để tiếp nối các thế hệ đi trước, cố gắng học hỏi được những điều hay ở nước bạn và sau khi học xong sẽ quay trở về cống hiến cho đất nước.

– Hình 2: Suy nghĩ của nhân vật thể hiện một lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên Việt Nam hiện nay, đó là nỗ lực rèn luyện sức khỏe, học tập để trở thành người có năng lực, bản lĩnh và người công dân tốt; tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Hình 3: Việc làm của các nhân vật thể hiện lí tưởng sống không chỉ mang lại lợi ích cho bản thân mình mà còn mang ý nghĩa góp ích cho cộng đồng, thông qua việc tham gia thu dọn rác thải để giúp môi trường sống trở nên xanh, sạch, đẹp.

– Hình 4: Suy nghĩ của nhân vật thể hiện một lí tưởng sống cao đẹp, mang tính cộng đồng và xác định được kế hoạch cụ thể nhằm đạt được lí tưởng sống, đó là không ngừng học tập, trau dồi kiến thức để áp dụng trong cuộc sống.

Nhiệm vụ 4. Dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá để lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó

a) Mục tiêu: HS lập kế hoạch nhằm xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng sống.

b) Nội dung: Dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá, em hãy lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đã xác định ở hoạt động khám phá của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống đã xác định ở hoạt động khám phá và lập kế hoạch để thực hiện những nhiệm vụ đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong chia sẻ kết quả.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS cách thức để lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân một cách cụ thể, hiệu quả theo các gợi ý sau:

– Cấu trúc của kế hoạch gồm các mục:

+ Mục đích, yêu cầu;

- + Nội dung thực hiện;
- + Phương pháp thực hiện;
- + Thời gian thực hiện;
- + Tiêu chí đánh giá kết quả;
- Phương pháp thực hiện cần mang tính cụ thể, khả thi.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Sưu tầm câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng thông qua việc sưu tầm câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy sưu tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng thông qua tấm gương sưu tầm được và rút ra bài học cho bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm một câu chuyện về tấm gương, nhân vật sống có lí tưởng. Từ câu chuyện đó, viết một đoạn văn nói về ý nghĩa của việc sống có lí tưởng và rút ra bài học cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong đọc đoạn văn của mình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá về đoạn văn của HS.

Nhiệm vụ 2. Thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được và rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện

a) Mục tiêu: HS xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.

b) Nội dung: Em hãy thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Từ đó, rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện kế hoạch về lí tưởng sống của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện một kế hoạch về lí tưởng sống của bản thân và chia sẻ với các bạn về kết quả đạt được. Từ đó, rút ra những ưu điểm, hạn chế và điều chỉnh để tiếp tục thực hiện.

- * Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.
- * Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.
- * Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những lưu ý cần thiết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm sống có lí tưởng; Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng; Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam; Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được khái niệm sống có lí tưởng nhưng chưa đầy đủ; Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam nhưng chưa đầy đủ; Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm sống có lí tưởng; Chưa giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng; Chưa nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam; Chưa xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.

Chân trời sáng tạo



Khoan dung

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.
- Nhận biết được giá trị của khoan dung.
- Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến khoan dung.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về khoan dung.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Ai nhanh hơn*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS tham gia trò chơi liệt kê những lợi ích của sự tha thứ và hậu quả của sự tức giận.

c) Sản phẩm: Những lợi ích của sự tha thứ và hậu quả của sự tức giận.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV tổ chức chia lớp thành 2 đội chơi (đội A và đội B).

– GV phổ biến thể lệ trò chơi: Đội A liệt kê những lợi ích của sự tha thứ, đội B liệt kê những hậu quả của sự tức giận. Trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 phút), đội nào liệt kê được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu HS nêu nội dung nhận xét và công bố kết quả đội thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Đọc thông điệp và giải thích ý nghĩa

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của thông điệp: *“Tha thứ sớm thì vui vẻ sớm”*.

c) Sản phẩm: Suy nghĩ của HS về ý nghĩa của thông điệp liên quan đến sự khoan dung.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông điệp trong SGK tr. 11 và giải thích ý nghĩa.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Khi biết tha thứ lỗi lầm của người khác thì bản thân sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái, vui vẻ. Vì vậy, tha thứ càng sớm thì càng tốt.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1: Đọc các thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm và biểu hiện của khoan dung.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin trong SGK tr. 11 – 12 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của khoan dung.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các thông tin trong SGK tr. 11 – 12 và trả lời câu hỏi:

– Những việc làm của nhân dân, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong các thông tin trên thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Những việc làm đó có kết quả, ý nghĩa như thế nào?

– Theo em, thế nào là khoan dung? Khoan dung có biểu hiện và ý nghĩa như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Những việc làm của các chủ thể trong các thông tin trên thể hiện truyền thống về lòng nhân ái, khoan dung của dân tộc ta. Những việc làm này đem lại nhiều kết quả tốt đẹp và đầy ý nghĩa nhân văn. Đối với kẻ thù, dân tộc ta thể hiện sự cao thượng, hiếu hoà không hiếu chiến, giúp lan toả khắp nơi về hình ảnh đẹp. Đây là những giá trị nhân văn đáng được lưu truyền và khuyên dạy cho con cháu đời sau. Đối với những phạm nhân trong nước thì lòng khoan dung là động lực cho những con người “lầm đường lạc lối” có cơ hội cải thiện, trở thành người tốt để có thể hoà nhập với cộng đồng xã hội, đồng thời, thể hiện chính sách nhân văn, khoan hồng của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

– Khoan dung là rộng lòng tha thứ. Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến. Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi và biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK tr. 13 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Suy nghĩ của HS về việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK tr. 13 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp trong SGK tr. 13.

– Em hãy chia sẻ về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra những câu trả lời phù hợp theo các gợi ý sau:

– Nhận xét về suy nghĩ, việc làm của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp:

+ Hình 1: Bạn nữ đã biết nhận ra lỗi sai của bản thân và tha thứ cho mình.

+ Hình 2: Bạn nam mang áo số 5 có sự ích kỉ, chưa biết khoan dung đối với bạn bè.

+ Trường hợp 1: Bạn N có cách ứng xử văn minh khi tham gia giao thông, biết bỏ qua lỗi của người khác, giúp tránh được những chuyện không hay có thể xảy ra.

+ Trường hợp 2: Bạn A cư xử thiếu sự độ lượng, vị tha và không biết cảm thông, chia sẻ với sự khó khăn của những người xung quanh mình.

– GV nhận xét tiếp phần trình bày của HS về những việc làm thể hiện sự khoan dung, thiếu khoan dung và bài học rút ra là: Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỉ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

– Khoan dung là rộng lòng tha thứ.

– Biểu hiện của khoan dung là biết tha thứ cho chính mình và cho người khác khi họ biết hối hận và sửa chữa lỗi lầm; lắng nghe và tôn trọng sự khác biệt của người khác, không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.

– Người có lòng khoan dung luôn được mọi người yêu mến, tin cậy và có nhiều bạn tốt. Người được tha thứ sẽ có cơ hội trở thành người tốt, khắc phục lỗi lầm, khiếm khuyết của bản thân. Nhờ có lòng khoan dung mà cuộc sống và mối quan hệ giữa mọi người trở nên lành mạnh, thân ái, tốt đẹp hơn.

– Để rèn luyện đức tính khoan dung, chúng ta cần sống cởi mở, gần gũi với mọi người. Cư xử chân thành, rộng lượng, tôn trọng và chấp nhận cá tính, sở thích, thói quen của người khác. Đồng thời, phê phán thói ích kỉ, hẹp hòi, thiếu sự độ lượng, khoan dung.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Chỉ ra trong các câu tục ngữ, thành ngữ, câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung và giải thích vì sao

a) Mục tiêu: HS hiểu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung.

b) Nội dung: Em hãy chỉ ra trong các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr. 14, câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung. Giải thích vì sao.

c) Sản phẩm: Phần trình bày, giải thích ý nghĩa của HS về những câu tục ngữ, thành ngữ thể hiện sự khoan dung và không thể hiện khoan dung.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các câu tục ngữ, thành ngữ trong SGK tr. 14 và chỉ ra trong các câu tục ngữ, thành ngữ này, câu nào thể hiện sự khoan dung, câu nào không thể hiện sự khoan dung và giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các câu tục ngữ, thành ngữ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– “Chín bỏ làm mười”: Thể hiện sự khoan dung, nhường nhịn, không cố chấp.

– “Ăn đến oản trả”: Thể hiện sự thiếu khoan dung vì còn mong muốn sự trả thù.

– “Ăn miếng trả miếng”: Thể hiện sự thiếu khoan dung, là biểu hiện của sự hung hăng.

– “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại”: Thể hiện sự khoan dung, biết bỏ qua lỗi lầm của người khác khi họ biết hối hận, hướng thiện và sửa sai.

Nhiệm vụ 2. Đọc câu nói và xây dựng bài thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung

a) Mục tiêu: HS ý thức được sự rèn luyện lòng khoan dung của bản thân.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu nói trong SGK tr. 14 và xây dựng bài thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS về giá trị của lòng khoan dung từ câu nói trong SGK tr. 14.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu danh ngôn trong SGK tr. 14 và xây dựng bài thuyết trình về giá trị của lòng khoan dung.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ và trao đổi với GV nếu gặp khó khăn.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS trình bày suy nghĩ của mình. Các HS khác lắng nghe và đưa ra ý kiến nhận xét.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý: Sự tha thứ không thể làm thay đổi quá khứ nhưng nó có thể mở rộng tương lai. Trong cuộc sống, đôi khi có những lỗi lầm, những chuyện không hay đã xảy ra, chúng ta không thể nào thay đổi được. Thế nhưng, nếu có lòng khoan dung, sự độ lượng, vị tha để cùng hướng đến một tương lai tươi đẹp hơn thì tha thứ sớm sẽ giúp chúng ta sớm được vui vẻ.

Nhiệm vụ 3. Đọc các tình huống và nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp

a) Mục tiêu: HS nhận xét đúng về những việc làm thể hiện lòng khoan dung, thiếu khoan dung và biết cách tư vấn ứng xử phù hợp.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 14 – 15 và nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp.

c) Sản phẩm: Phần nội dung tư vấn của HS về cách ứng xử phù hợp trong các tình huống cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống SGK tr. 14 – 15 và nhận xét hành vi, việc làm của các nhân vật để tư vấn cách ứng xử phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các tình huống, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Trường hợp 1: Cách ứng xử của bạn N là chưa đúng đắn với bạn bè. Bạn N cần phải khiêm tốn, biết lắng nghe, hoà đồng với các bạn và cần đem sự hiểu biết, năng lực của mình để chia sẻ, giúp đỡ bạn bè cùng tiến bộ.

– Trường hợp 2: Bạn V đã sai khi chưa xin phép bố mẹ mà đã đi chơi cùng bạn bè ngay sau buổi tiệc sinh nhật. Bạn V cần phải xin lỗi bố mẹ, rút kinh nghiệm sâu sắc và cũng nên biết tha thứ cho bản thân mình.

Nhiệm vụ 4. Đọc tình huống và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung

a) Mục tiêu: HS học tập tấm gương tốt và có sự rèn luyện tốt về khoan dung.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr. 15 và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.

c) Sản phẩm: Bài học rút ra cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK tr. 15 và rút ra bài học cho bản thân để rèn luyện đức tính khoan dung.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, lựa chọn và hướng HS đến những câu trả lời phù hợp: Bạn Q là lớp trưởng gương mẫu, có lòng khoan dung, lòng nhân ái và biết yêu thương, giúp đỡ bạn bè. Bài học rút ra cho bản thân là phải luôn biết lắng nghe, cảm thông, đồng hành để giúp bạn khắc phục lỗi sai.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Tìm thông điệp và thiết kế, trang trí để tự nhắc nhở bản thân rèn luyện về lòng khoan dung

a) Mục tiêu: HS tạo được sản phẩm là thông điệp về lòng khoan dung và đặt chúng tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có).

b) Nội dung: Em hãy chọn một thông điệp về sự khoan dung mà em yêu thích. Sau đó, thiết kế, trang trí thông điệp đó tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) như một sự nhắc nhở em về lòng khoan dung.

c) Sản phẩm: Sản phẩm thiết kế, trang trí thông điệp về lòng khoan dung của HS.

d) Tổ chức thực hiện

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm thông điệp về lòng khoan dung và thiết kế sản phẩm là thông điệp đó và đặt chúng tại góc bàn học, làm hình nền của máy tính, điện thoại (nếu có) để nhắc nhở bản thân về lòng khoan dung.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 2 tuần.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS trình bày sản phẩm và kết quả thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý sản phẩm của HS.

Nhiệm vụ 2. Viết ra những điều thể hiện sự khoan dung hoặc chưa khoan dung đối với bản thân, người thân, bạn bè; xác định nguyên nhân vì sao chưa thể hiện sự khoan dung và đề xuất hướng giải quyết

a) Mục tiêu: HS biết nhận xét về lòng khoan dung của bản thân và đưa ra những sự rèn luyện phù hợp về lòng khoan dung.

b) Nội dung: Em hãy viết ra những điều thể hiện sự khoan dung hoặc chưa khoan dung đối với bản thân, người thân, bạn bè; xác định nguyên nhân vì sao chưa thể hiện sự khoan dung. Từ đó, đề xuất hướng giải quyết và chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.

c) Sản phẩm: Bài viết của HS về những điều chưa hài lòng với bản thân, người thân hoặc bạn bè; xác định nguyên nhân của những điều chưa hài lòng đó và hướng giải quyết.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi HS viết ra những điều chưa hài lòng với bản thân, người thân hoặc bạn bè; xác định nguyên nhân của những điều chưa hài lòng đó. Từ đó, đề xuất hướng giải quyết và chia sẻ kết quả thực hiện trước lớp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà chuẩn bị và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2–3 HS trình bày kết quả thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra những lưu ý cần thiết.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung; Nhận biết được giá trị của khoan dung, thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu chưa đầy đủ khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung; Nhận biết được giá trị của khoan dung nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi nhưng chưa thường xuyên; Biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung; Chưa nhận biết được giá trị của khoan dung; Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; Chưa biết phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.



Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng.
- Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng.
- Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái.
- Chăm chỉ.
- Trách nhiệm.

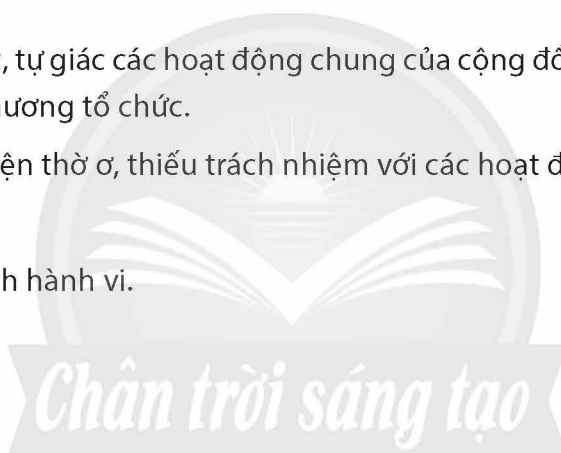
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến các hoạt động cộng đồng.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung sự tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.



III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hát bài hát “Mùa hè xanh” có phim tư liệu minh họa

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy hát và vỗ tay nhịp nhàng theo giai điệu bài hát “Mùa hè xanh” của nhạc sĩ Vũ Hoàng.

c) Sản phẩm: Cảm nhận của HS về việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng thông qua lời bài hát và quan sát hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS cả lớp cùng hát và vỗ tay đều theo nhịp của giai điệu ca khúc “Mùa hè xanh”.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hát và vỗ tay theo nhịp, quan sát màn hình chiếu hình ảnh tư liệu về các hoạt động cộng đồng.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu cảm nhận của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

Nhiệm vụ 2. Kể lại tên những hoạt động, việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy kể lại tên những hoạt động, việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia giúp đỡ người khác.

c) Sản phẩm: Tên những hoạt động, việc làm mà HS và mọi người đã tham gia giúp đỡ người khác.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể lại những việc làm mà bản thân và mọi người đã tham gia để giúp đỡ người khác.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS xung phong phát biểu.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 16 – 17 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 16 – 17 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy xác định mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động được đề cập trong thông tin ở SGK tr. 16 – 17.

– Em hãy chỉ ra những đối tượng có thể tham gia hoạt động cộng đồng.

– Hãy trình bày cách hiểu của em về hoạt động cộng đồng và giải thích vì sao phải tham gia hoạt động cộng đồng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Mục đích, kết quả và ý nghĩa của các hoạt động được đề cập trong thông tin:

+ Mục đích và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng là: phát huy vai trò sức trẻ cùng chung tay tham gia hoạt động thiện nguyện, mang lại lợi ích cho cộng đồng.

+ Kết quả đạt được cụ thể là: 5 triệu lượt chiến sĩ tham gia; thực hiện 31 000 công trình thanh niên; xây, sửa chữa 7 720 nhà tình nghĩa, nhà tình thương; bê tông hoá, nâng cấp, sửa chữa 870 km đường nông thôn; xây dựng, sửa chữa 500 cầu nông thôn; lắp đặt hệ thống chiếu sáng 270 tuyến đường nông thôn, tuyến hẻm với tổng chiều dài 200 km; trồng 650 nghìn cây xanh,...

– Các đối tượng có thể tham gia hoạt động cộng đồng: Những hoạt động cộng đồng với các hoạt động đa dạng, phong phú, phù hợp với các lứa tuổi tham gia như HS Trung học cơ sở, HS Trung học phổ thông, sinh viên, thanh thiếu niên,...

– Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng như: Phong trào kế hoạch nhỏ; Nụ cười hồng; Đèn ơn đáp nghĩa; Hiến máu nhân đạo; Bảo vệ môi

trường; Mùa hè xanh; Kì nghỉ hồng;... Tham gia hoạt động cộng đồng giúp mỗi cá nhân được rèn luyện về kĩ năng sống, sự trưởng thành và tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức, trí tuệ của mình vào công việc chung của xã hội. Từ đó, góp phần tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, cùng chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng; HS tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức; HS biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp trong SGK tr. 17 – 18 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS nhận xét về việc làm, suy nghĩ của nhân vật trong các hình ảnh, trường hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp SGK tr. 17 – 18 và trả lời câu hỏi:

– Từ các hình ảnh trong SGK tr. 17 – 18, em hãy cho biết ở trường, lớp, địa phương của em đã tổ chức những hoạt động nào. Em đã tham gia những hoạt động nào?

– Những việc nào mà em cảm thấy hài lòng và chưa hài lòng về tinh thần, thái độ của mọi người khi tham gia những hoạt động cộng đồng?

– Em suy nghĩ như thế nào về hành vi, việc làm của các nhân vật trong trường hợp 1, 2 và đưa ra lời khuyên nào đối với những nhân vật chưa tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh, đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra những câu trả lời phù hợp nhất:

– Câu hỏi 1, 2 tùy vào phần trả lời của HS mà GV có nhận xét, góp ý phù hợp.

– Trường hợp 1: Bà H là tấm gương sáng về lòng nhân ái, tuy lớn tuổi nhưng bà vẫn chọn niềm vui là dành thời gian để tham gia vào các hoạt động cộng đồng của địa phương. Bà H là tấm gương sáng mà mọi người cần noi theo.

– Trường hợp 2: Bạn N, bạn T và bạn H tuy học giỏi nhưng lại ít tham gia hoạt động cộng đồng, điều này chưa thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự chia sẻ cùng với cộng đồng và mọi người xung quanh. Lời khuyên dành cho các bạn là nên sắp xếp thời

gian để có thể cân đối cả việc học, rèn luyện thể thao và tham gia hoạt động cộng đồng, nhằm phát triển bản thân một cách toàn diện. Từ đó, giúp các bạn vừa rèn luyện được kĩ năng sống, vừa có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng.

Nhiệm vụ 3. Chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó

a) Mục tiêu: Giúp HS biết cách xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.

b) Nội dung: Em hãy lựa chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó theo mẫu gợi ý trong SGK tr. 19.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu và lựa chọn lựa chọn một hoạt động cộng đồng phù hợp với bản thân để xây dựng kế hoạch tham gia hoạt động đó theo mẫu gợi ý trong SGK tr. 19.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS trình bày kết quả thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: Tùy theo từng bản kế hoạch được xây dựng của HS mà GV có sự nhận xét, tổng kết phù hợp.

– Hoạt động cộng đồng là những hoạt động được tổ chức trong nhà trường, xã hội bởi các cá nhân, tập thể, tổ chức và mang lại lợi ích chung cho cộng đồng như: Phong trào kế hoạch nhỏ; Nụ cười hồng; Đền ơn đáp nghĩa; Hiến máu nhân đạo; Bảo vệ môi trường; Mùa hè xanh; Kì nghỉ hồng;...

– Tham gia hoạt động cộng đồng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, giúp mỗi cá nhân được rèn luyện về kĩ năng sống, sự trưởng thành và tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức, trí tuệ của mình vào công việc chung của xã hội. Từ đó, góp phần tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, nhân ái, cùng chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh.

– Học sinh cần nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. Đồng thời, cần phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Xác định tên và ý nghĩa của hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu: HS xác định được tên và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung: Em hãy xác định tên và ý nghĩa của hoạt động trong mỗi hình ảnh trong SGK tr. 20.

c) Sản phẩm: Tên gọi và ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng được thể hiện trong mỗi hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 20, xác định tên và ý nghĩa của từng hoạt động cộng đồng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận:

– Hình 1: Xây nhà tình thương, thể hiện lòng nhân ái, giúp đỡ người khó khăn.

– Hình 2: Tiếp sức đến trường, giúp đỡ HS khó khăn, phát huy truyền thống nhân ái và hiếu học.

– Hình 3: Chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, thể hiện truyền thống về lòng biết ơn, uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta.

– Hình 4: Chương trình “Đổi rác lấy cây xanh”, giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác và trồng nhiều cây xanh.

Nhiệm vụ 2. Viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng

a) Mục tiêu: HS tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức và biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

b) Nội dung: Từ câu hát “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay” trong ca khúc “Khát vọng tuổi trẻ” của nhạc sĩ Vũ Hoàng, em hãy viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS thể hiện sự tích cực, tự giác tham gia các hoạt động chung của cộng đồng và phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết bài thuyết trình về tinh thần cống hiến của tuổi trẻ và phê phán những biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong các hoạt động cộng đồng thông qua câu hát “*Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay*” trong ca khúc “Khát vọng tuổi trẻ” của nhạc sĩ Vũ Hoàng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu hát và xây dựng nội dung bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS thuyết trình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết.

Nhiệm vụ 3. Dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, hãy xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện

a) Mục tiêu: HS tham gia lan toả hoạt động cộng đồng để mọi người cùng tham gia.

b) Nội dung: Dựa vào kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân, em hãy xác định các đối tượng có thể tham gia và vận động họ cùng thực hiện.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các đối tượng có thể cùng tham gia hoạt động cộng đồng để vận động họ tham gia vào hoạt động này.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS xem lại bản kế hoạch đã thực hiện ở hoạt động khám phá. Từ đó, HS xác định các đối tượng có thể cùng tham gia và vận động họ tham gia hoạt động cộng đồng này.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: Dựa vào nội dung cụ thể trong bản kế hoạch mà HS có sự xác định đối tượng tham gia, có lời vận động phù hợp, hiệu quả. GV nhận xét và tổng kết.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng của bản thân đã được xây dựng trong hoạt động khám phá và báo cáo kết quả thực hiện

a) Mục tiêu: HS tích cực tham gia các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do trường, lớp, địa phương tổ chức.

b) Nội dung: HS thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng được minh chứng thông qua đoạn phim ngắn, hình ảnh hoặc bài thu hoạch.

c) Sản phẩm: Minh chứng của HS (đoạn phim ngắn, hình ảnh hoặc bài thu hoạch) về việc tham gia những hoạt động cộng đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện kế hoạch tham gia hoạt động cộng đồng được thể hiện thông qua đoạn phim ngắn, hình ảnh hoặc bài thu hoạch.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 2 tuần.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 4 – 5 HS trình bày sản phẩm trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý cho sản phẩm của HS.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng; Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng; Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng; Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức; Biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; nêu được một số hoạt động cộng đồng nhưng chưa đầy đủ; Giải thích chưa đầy đủ về sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng; Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng nhưng chưa đầy đủ; Tham gia các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức nhưng chưa thường xuyên; Biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số từ 5 đến 7.

3. Chưa hoàn thành: Chưa hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng; chưa nêu được một số hoạt động cộng đồng; Chưa giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng; Chưa nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng; Chưa tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức; Chưa biết phê phán biểu hiện thờ ơ, thiếu trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.





Bài 4

Khách quan và công bằng

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng.
- Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng.
- Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày.
- Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

- Trung thực.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến khách quan và công bằng.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về khách quan và công bằng.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Ghép chữ*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS tham gia chơi trò chơi ghép các chữ cái thành từ có nghĩa là “KHÁCH QUAN”, “CÔNG BẰNG”.

c) Sản phẩm: HS ghép đúng đáp án thành 2 từ có nghĩa là “KHÁCH QUAN”, “CÔNG BẰNG”.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chiếu lên màn hình các chữ cái riêng biệt (màu đỏ), khi ghép lại thành từ “KHÁCH QUAN”, và các chữ cái riêng biệt (màu xanh), khi ghép lại thành từ “CÔNG BẰNG”. Các chữ cái màu đỏ và màu xanh để lẫn lộn với nhau.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tích cực tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV dẫn dắt HS hướng tới chủ đề của bài học.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 21 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Nội dung các câu thành ngữ tương ứng với các hình ảnh trong SGK tr. 21.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, tìm và giải thích câu thành ngữ tương ứng với các hình ảnh trong SGK tr. 21.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét câu trả lời phù hợp và dẫn dắt vào nội dung bài học:

– Hình 1: Thành ngữ “Trọng nam khinh nữ” thể hiện sự phân biệt đối xử, thiếu công bằng giữa nam và nữ.

– Hình 2: Thành ngữ “Nói có sách mách có chứng” được hiểu là nói đúng sự thật và có chứng cứ rõ ràng, có thể kiểm chứng được.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận biết được những biểu hiện khách quan, hiểu được ý nghĩa của khách quan và tác hại của sự thiếu khách quan.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 22 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS nhận biết được những biểu hiện khách quan, ý nghĩa của khách quan và tác hại của sự thiếu khách quan.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 22 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy xác định các biểu hiện của khách quan và ý nghĩa của những biểu hiện đó trong thông tin.

– Nêu ví dụ thể hiện sự khách quan, thiếu khách quan trong cuộc sống, công việc và kết quả của mỗi hành động, việc làm đó.

– Em hãy cho biết tác hại của những hành vi, việc làm thiếu khách quan.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét câu trả lời phù hợp:

– Biểu hiện của khách quan: Nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực; không định kiến, thiên vị. Ý nghĩa là khi nhìn nhận đúng bản chất sự vật, sự việc thì sẽ có cách ứng xử văn hoá, phù hợp.

– HS nêu ví dụ về khách quan và thiếu khách quan, GV tùy thuộc vào câu trả lời của HS mà có sự nhận xét phù hợp.

– Việc thiếu khách quan sẽ dẫn đến những thiếu sót, sai lầm trong ứng xử, quyết định, có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa người với người.

Nhiệm vụ 2. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được những biểu hiện công bằng, hiểu được ý nghĩa của công bằng và tác hại của sự thiếu công bằng.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong SGK tr. 23 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự nhận biết được những biểu hiện công bằng, ý nghĩa của công bằng và tác hại của sự thiếu công bằng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong SGK tr. 23 và trả lời câu hỏi:

– Chi tiết nào trong câu chuyện thể hiện sự công bằng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ?

– Theo em, công bằng được biểu hiện như thế nào trong cuộc sống?

– Ý nghĩa của công bằng là gì? Thiếu công bằng có tác hại như thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu chuyện và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Chi tiết trong câu chuyện thể hiện sự công bằng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ là: trân trọng, tiến cử những người làm quan tài giỏi thật sự chứ không phải vì gia quyến thân quen.

– Biểu hiện của công bằng là không phân biệt đối xử giữa người với người. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau với mọi đối tượng; trong xã hội, đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.

– Công bằng giúp cho mọi người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người với người, đem lại lợi ích cho cá nhân và tập thể. Thiếu công bằng có thể dẫn đến mâu thuẫn, bất công, bất bình đẳng trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội.

Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 23 – 24 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 23 – 24 và trả lời câu hỏi:

– Em có suy nghĩ gì về cách ứng xử của nhân vật trong các trường hợp?

– Em sẽ góp ý như thế nào với những biểu hiện thiếu khách quan, công bằng trong các trường hợp trong SGK tr. 23 – 24 một cách phù hợp nhất?

– Theo em, làm thế nào để thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra những câu trả lời phù hợp:

– Trường hợp 1: Cách cư xử của anh là C thiếu khách quan. Trong cuộc sống không ai tránh được những sai lầm thời HS, nhưng nếu có sự thay đổi để khắc phục, hướng thiện và cố gắng, nỗ lực thì tương lai sẽ tốt đẹp.

– Trường hợp 2: Cách cư xử của ông T là thiếu sự công bằng. Khi các con trong gia đình đều được đối xử công bằng, bình đẳng, yêu thương thì các con sẽ biết yêu thương nhau, cùng hiểu thảo, kính trọng ông bà, cha mẹ, làm cho gia đình trở nên hoà thuận, hạnh phúc,...

– Chúng ta cần rèn luyện thái độ nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng một cách khách quan, công bằng, tôn trọng và bảo vệ lẽ phải; không định kiến, thiên vị trong việc đánh giá bản thân và những người xung quanh; phê phán các biểu hiện thiếu khách quan, công bằng.

– Biểu hiện của khách quan là nhìn nhận sự vật, hiện tượng chính xác, trung thực; không định kiến, thiên vị.

– Khách quan giúp chúng ta nhìn nhận đúng bản chất để có cách ứng xử văn hoá, phù hợp với sự vật, hiện tượng và người khác. Thiếu khách quan sẽ dẫn đến những thiếu sót, sai lầm trong ứng xử, quyết định, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa người với người.

– Biểu hiện của công bằng là không phân biệt đối xử giữa người với người. Trong các quan hệ pháp luật, đảm bảo được nguyên tắc như nhau với mọi đối tượng; trong xã hội, đảm bảo điều kiện để mỗi cá nhân đều tiếp cận được với các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.

– Công bằng giúp cho con người có cơ hội phát triển một cách bình đẳng với nhau, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, đoàn kết giữa người và người, đem lại lợi ích cho cá nhân và tập thể. Thiếu công bằng có thể dẫn đến mâu thuẫn, bất công, bất bình đẳng trong các mối quan hệ cá nhân và xã hội.

– Chúng ta cần rèn luyện thái độ nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng khách quan, công bằng, tôn trọng, bảo vệ lẽ phải; không định kiến, thiên vị trong việc đánh giá bản thân và những người xung quanh; phê phán các biểu hiện thiếu khách quan, công bằng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Dựa vào hình ảnh, cho biết em liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng và giải thích vì sao

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu sâu hơn về biểu hiện khách quan, công bằng.

b) Nội dung: Dựa vào hình ảnh trong SGK tr. 25, cho biết em liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng. Vì sao?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự khách quan, công bằng khi xem xét, đánh giá sự vật, sự việc thông qua hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 25 và cho biết bản thân liên tưởng đến điều gì về khách quan, công bằng và giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp: Khi xem xét, đánh giá sự vật, sự việc thì cần phải khách quan, công bằng, thể hiện ở cách nhìn tổng quát, đa chiều, không nên chỉ nhìn nhận ở một khía cạnh, duy ý chí.

Nhiệm vụ 2. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu sâu hơn về sự công bằng trong cuộc sống.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 25 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS nhận xét về lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống và đưa ra cách ứng xử phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 25 và trả lời câu hỏi:

– Em có nhận xét gì về lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống?

– Theo em, anh B, bà V, ông M nên ứng xử như thế nào để đảm bảo sự công bằng?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các tình huống và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt câu trả lời phù hợp:

– Lời nói, việc làm của nhân vật trong các tình huống trên đang thiếu sự công bằng:

+ Tình huống 1: Anh B đến sau nên cần phải xếp hàng, tôn trọng mọi người, đặc biệt là những người đã đến trước và đang xếp hàng.

+ Tình huống 2: Ông M nên khuyên nhủ và giải thích với bà V để bà ấy thay đổi lại suy nghĩ của mình. Trong trường hợp này, chính sách cấp bảo hiểm y tế miễn phí cho người dân thuộc diện hộ nghèo không phải là phân biệt đối xử mà đây là chính sách nhằm thể hiện sự quan tâm, chăm lo của Nhà nước ta đối với những trường hợp, hoàn cảnh khó khăn, thể hiện sự công bằng, bình đẳng về mặt chính sách.

Nhiệm vụ 3. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu sâu hơn tác hại của sự thiếu khách quan.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 26 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nội dung câu chuyện và HS nhận biết được sự thiếu khách quan của các nhân vật trong câu chuyện.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 26 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy tìm hiểu và kể lại nội dung câu chuyện ngụ ngôn được thể hiện trong hình ảnh.

– Em hãy tìm các biểu hiện thể hiện sự thiếu khách quan trong câu chuyện đó và rút ra bài học cho bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh, thảo luận và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, góp ý về nội dung và cách kể chuyện của HS về câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Sự thiếu khách quan trong câu chuyện trên là các thầy bói chỉ xem xét một bộ phận của voi mà đã nhận xét và đưa ra kết luận bao trùm về cả con voi. Bài học rút ra ở đây là không nên nhìn nhận sự vật, sự việc một cách phiến diện, chủ quan.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống, từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng

a) Mục tiêu: HS hiểu, vận dụng kiến thức đã học để giúp lan toả giá trị của khách quan, công bằng trong cuộc sống.

b) Nội dung: Em hãy tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống. Từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về các ví dụ cụ thể của khách quan, công bằng trong cuộc sống và cách đóng góp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm ví dụ về sự khách quan, công bằng ở các lĩnh vực trong đời sống. Từ đó, xác định những việc làm phù hợp của bản thân để góp phần khuyến khích sự khách quan, công bằng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 1 tuần.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý cho sản phẩm của HS.

Nhiệm vụ 2. Tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp

a) Mục tiêu: HS hiểu, vận dụng những kiến thức đã được học, góp phần hạn chế sự thiếu khách quan, công bằng trong cuộc sống.

b) Nội dung: Em hãy tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp.

c) Sản phẩm: Phần chia sẻ của HS về các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và nội dung đề xuất những cách khắc phục phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm và chia sẻ các hành vi của bản thân, bạn bè hoặc người thân chưa thể hiện sự khách quan, công bằng và đề xuất những cách khắc phục phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện yêu cầu trong thời gian 1 tuần.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tuyên dương và góp ý cho sản phẩm của HS.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng; Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng; Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày; Biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nhận biết chưa đầy đủ những biểu hiện khách quan, công bằng; Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng nhưng chưa đầy đủ; Thể hiện thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thường xuyên; Biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số từ 5 đến 7

3. Chưa hoàn thành: Chưa biết được những biểu hiện khách quan, công bằng; Chưa hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng; Chưa thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày; Chưa biết phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.





Bảo vệ hoà bình

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình.
- Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.
- Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.
- Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình.
- Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến bảo vệ hoà bình.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về bảo vệ hoà bình.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hoạt động “Em yêu hoà bình”

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Hãy kể ra những tác phẩm nghệ thuật (bài thơ, bài hát, bộ phim,...) về chủ đề hoà bình mà em biết.

c) Sản phẩm: Phần trả lời của HS về của những tác phẩm có chủ đề về hoà bình (có thể kể tên hoặc trình diễn nhanh).

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ để kể ra những tác phẩm nghệ thuật (bài thơ, bài hát, bộ phim,...) có về chủ đề liên quan đến hoà bình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức HS suy nghĩ và trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Hoà bình là giá trị thiêng liêng của cả nhân loại. Mỗi người chúng ta, dù là HS cũng đều có thể tham gia gìn giữ và bảo vệ hoà bình. Đó không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi và điều may mắn của thế hệ HS ngày nay.

Nhiệm vụ 2. Chơi trò chơi Tiếp sức đồng đội

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS tham gia trò chơi *Tiếp sức đồng đội*.

c) Sản phẩm: Tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ:

– GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm có 3 HS đại diện để tham gia trò chơi, sau đó, phổ biến thể lệ trò chơi.

– Phổ biến thể lệ trò chơi: 2 nhóm sẽ thi đua kể tên những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam hoặc trên thế giới trong một thời gian nhất định (gợi ý: 3 – 4 phút). Mỗi thành viên của nhóm, mỗi lần chỉ được kể tên một nhân vật và tiến hành kể luân phiên với nhau. Các thành viên cùng nhóm sẽ hỗ trợ nhau khi tham gia trò chơi. Nhóm nào kể được nhiều tên nhân vật hơn sẽ giành chiến thắng.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS tích cực tham gia chơi trò chơi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS nêu nhận xét và công bố kết quả nhóm thắng cuộc.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận: Những nhân vật có công lớn trong việc đấu tranh bảo vệ hoà bình ở Việt Nam và trên thế giới như:

– Ở Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Võ Thị Sáu, Phan Đình Giót,...

– Trên thế giới: Nelson Mandela, Kofi Annan, Fidel Castro,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc nội dung và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là hoà bình; các biểu hiện của hoà bình và giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 27 – 28 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về khái niệm hoà bình, các biểu hiện của bảo vệ hoà bình và ý nghĩa của bảo vệ hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 27 – 28 và trả lời câu hỏi:

– *Từ nội dung, theo em, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra hậu quả gì cho Việt Nam?*

– *Em nhận xét như thế nào về sự khác biệt của Việt Nam trước và sau chiến tranh? Từ đó, giải thích vì sao cần phải bảo vệ hoà bình.*

– *Em hiểu thế nào là hoà bình, biểu hiện của hoà bình?*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp:

– Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra những hậu quả vô cùng to lớn cho Việt Nam là: miền Bắc đã bị tàn phá nặng nề; hầu hết các thành phố, thị xã đều bị đánh phá (12 thị xã, 51 thị trấn bị phá huỷ hoàn toàn); 5 triệu m² nhà ở bị phá huỷ; hàng trăm hecta ruộng đất bị hoang hoá; 3 000 trường học, 350 bệnh viện bị bắn phá;... Hậu quả của cuộc chiến tranh đối với miền Nam còn nặng nề hơn: nửa triệu hecta ruộng bị bỏ hoang; 1 triệu hecta rừng bị chất độc hoá học, bom đạn cày xới; môi trường sinh thái ở những vùng bị nhiễm chất độc hoá học còn gây hệ lụy cho các thế hệ sau, kể cả những người không tham gia chiến tranh.

– Sự khác biệt của Việt Nam trước và sau chiến tranh: Trước chiến tranh, đất nước ta phải gánh chịu những tổn thất nghiêm trọng về người và của; sau chiến tranh, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, ngoại giao. Vị thế của đất nước không ngừng được nâng cao, đời sống của nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

– Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống vui vẻ, hoà thuận, hạnh phúc; là khát vọng của toàn nhân loại. Biểu hiện của hoà bình là giữ gìn cuộc sống bình yên; không để xảy ra mâu thuẫn giữa các dân tộc, tôn giáo và quốc gia; không để xảy ra chiến tranh hay xung đột vũ trang. Chúng ta cần phải

bảo vệ hoà bình vì những lợi ích to lớn, thiết thực mà hoà bình đem lại, đó là giúp cho con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là bảo vệ hoà bình và nêu được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.

b) Nội dung: Em hãy đọc các thông tin và quan sát hình ảnh trong SGK tr. 29 để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về thế nào là bảo vệ hoà bình và những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận cùng bạn để trả lời câu hỏi:

– Các thông tin và hình ảnh đề cập đến những biện pháp nào để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình?

– Theo em, thế nào là bảo vệ hoà bình?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cùng bạn để suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận:

– Biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình trong các thông tin, hình ảnh:

+ Chủ động giải quyết mâu thuẫn thông qua trao đổi, thảo luận, thương lượng, đàm phán,...

+ Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, tranh chấp dựa trên công lí, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

– Bảo vệ hoà bình là đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...

Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần phê phán xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 30 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS giải thích vì sao cần phê phán xung đột sắc tộc, chiến tranh phi nghĩa.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 30 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, câu nói của Nelson Mandela trong thông tin trên có ý nghĩa như thế nào đối với việc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc và chiến tranh phi nghĩa?

– Em hãy lấy ví dụ về một số cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa trên thế giới và bày tỏ quan điểm của em về những sự kiện đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu trong thời gian 7 phút.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 bạn HS xung phong trình bày câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp nhất:

– Câu nói của Nelson Mandela trong thông tin có ý nghĩa vô cùng to lớn, đã trở thành biểu tượng của tự do và bình đẳng, đồng thời, lên án việc phân biệt chủng tộc, kêu gọi con người cần yêu thương, giúp đỡ nhau để cùng phát triển thay cho sự căm ghét, kì thị vì sự khác biệt màu da hay tôn giáo của họ.

– Ví dụ về một số cuộc xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa trên thế giới: xung đột giữa những cộng đồng Hồi giáo theo dòng Sunni và Shiite hay các dòng khác nhau ở trong một quốc gia như: Syria và Iraq; giữa một số quốc gia Ả-rập, Hồi giáo với nhau và với Israel (Do Thái giáo); giữa Hồi giáo và Công giáo ở Philippines, Indonesia,...

– Hoà bình là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang; con người được sống vui vẻ, hoà thuận, hạnh phúc; là khát vọng của toàn nhân loại.

– Biểu hiện của hoà bình là cuộc sống bình yên, con người được học tập, lao động, phát triển, chung sống hoà thuận cùng nhau; các quốc gia tôn trọng, hợp tác cùng phát triển lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...

– Bảo vệ hoà bình là đấu tranh để bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thực hiện các biện pháp để chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tranh chấp; không phân biệt, kì thị quốc gia, dân tộc;...

– Cần phải bảo vệ hoà bình vì những lợi ích to lớn, thiết thực mà hoà bình đem lại: giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung toàn cầu.

– Biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình:

+ Chủ động giải quyết mâu thuẫn thông qua trao đổi, thảo luận, thương lượng, đàm phán,...

+ Giải quyết mâu thuẫn khi xảy ra xung đột, tranh chấp dựa trên công lí, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không thoả hiệp vô nguyên tắc với tội ác và bất công xã hội.

– Để góp phần bảo vệ hoà bình, mỗi người cần: học hỏi điều hay, lẽ phải; học cách sống hài hoà, văn minh; biết giải quyết các mâu thuẫn bằng cách hoà giải; chủ động can ngăn các bất đồng;...

– Phê phán những hành vi gây xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa một cách hợp lí, an toàn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Đọc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình

a) Mục tiêu: HS bày tỏ được quan điểm của bản thân về ý nghĩa của bảo vệ hoà bình.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong SGK tr. 31 và xây dựng bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình.

c) Sản phẩm: Nội dung bài thuyết trình của HS về ý nghĩa của bảo vệ hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong SGK tr. 31 và cho biết ý nghĩa của việc bảo vệ hoà bình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu nói và suy nghĩ để thực hiện nội dung bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày bài thuyết trình trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những câu trả lời phù hợp: Đất nước được độc lập, tự do chính là điều kiện quan trọng giúp con người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; tạo điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới vì sự thịnh vượng chung của toàn cầu.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nhận xét được những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình; Xác định được những việc làm tham gia bảo vệ hòa bình một cách phù hợp.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr. 32 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần nhận xét của HS về những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 31 và thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nhận xét về những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình của nhân vật trong các hình ảnh.

– Em hãy xác định những việc làm tham gia bảo vệ hoà bình một cách phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra những hành động, việc làm tham gia bảo vệ hoà bình một cách phù hợp thông qua các hình ảnh:

– Hình 1: Việc làm của các bạn trong hình là việc làm phù hợp với lứa tuổi học sinh, dùng thư gửi gắm những lời động viên gửi đến các chiến sĩ đang ngày đêm không ngại gian khổ để bảo vệ Tổ quốc.

– Hình 2: Việc làm của các bạn trong hình là một trong những việc làm để bảo vệ hoà bình, đó là sự giao lưu, học hỏi giữa các nước với nhau trên nhiều lĩnh vực, trong đó, có giao lưu về văn hoá.

– Hình 3: Việc làm của các bạn trong hình là việc làm nhằm tham gia bảo vệ hoà bình, ngoài việc cố gắng học tập thật tốt, các bạn còn có tự ý thức nâng cao sức khoẻ để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

– Hình 4: Lời khuyên dạy của thầy giáo nhằm khuyến khích việc trao đổi, giải quyết mâu thuẫn bằng cách lắng nghe, tìm ra nguyên nhân để giải quyết trong hoà bình. Đây cũng là một trong những biện pháp giúp bảo vệ hoà bình.

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó

a) Mục tiêu: HS hiểu được hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc và biết phê phán chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc.

b) Nội dung: Em hãy tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó.

c) Sản phẩm: Đoạn văn ngắn của HS viết về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc và thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân theo yêu cầu trong SGK tr. 32: *Em hãy tìm hiểu về hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện bài viết cá nhân.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ bài viết của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra được hậu quả của chiến tranh phi nghĩa và xung đột sắc tộc để viết một đoạn văn ngắn thể hiện sự phê phán đối với tình trạng đó.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện bảo vệ hoà bình bằng những việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế một sản phẩm để khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình.

c) Sản phẩm: Sản phẩm thiết kế để khuyến khích, thúc đẩy các bạn tham gia bảo vệ hoà bình của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS cùng bạn thiết kế một sản phẩm có nội dung nhằm khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thiết kế một sản phẩm có nội dung nhằm khuyến khích, thúc đẩy các bạn HS tham gia bảo vệ hoà bình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS trình bày và thuyết minh về sản phẩm đã thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc bảo vệ hoà bình.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình; Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình; Nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình; Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; Biết phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình nhưng còn chưa đầy đủ; Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình nhưng còn chưa đầy đủ; Nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình nhưng còn chưa đầy đủ; Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình nhưng chưa thường xuyên; Biết phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình; Chưa giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình; Chưa nhận biết được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình; Chưa biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; Không có khả năng phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Quản lí thời gian hiệu quả

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả.
- Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.
- Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.
- Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến quản lí thời gian hiệu quả.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về quản lí thời gian hiệu quả.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Thử thách 1 phút để tỏa sáng*.

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS tham gia trò chơi tranh tài để giới thiệu bản thân sao cho ấn tượng nhất trong thời gian 1 phút.

c) Sản phẩm: HS thể hiện, giới thiệu bản thân trước lớp bằng cách thuyết trình, thể hiện tài năng hoặc các hình thức sáng tạo khác.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chuẩn bị và thực hiện yêu cầu trong thời gian 3 – 5 phút.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian chuẩn bị và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện một vài HS lên giới thiệu bản thân trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Trong cùng 1 phút, nếu bạn nào có sự chuẩn bị tốt và sáng tạo thì sẽ đem lại giá trị cao hơn và dù chỉ có 1 phút nhưng cũng có thể tạo ra được giá trị to lớn.

Vì thế, mỗi ngày đều có 24 giờ nhưng giá trị mà chúng mang lại là khác nhau, tùy thuộc vào khả năng sử dụng thời gian của mỗi người. Khi biết làm chủ thời gian, cá nhân sẽ dễ dàng đạt được các mục tiêu đề ra và có một cuộc sống ý nghĩa hơn.

Nhiệm vụ 2. Chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình.

c) Sản phẩm: Phần chia sẻ của HS về thời gian biểu của bản thân và việc quản lí thời gian của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét cách quản lí thời gian của mình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chia sẻ với các bạn về thời gian biểu của bản thân và tự nhận xét về cách quản lí thời gian của mình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong chia sẻ về thời gian biểu của bản thân và việc quản lí thời gian của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đưa ra nhận xét, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả và nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin trong SGK tr. 33 – 34 để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần nội dung trình bày của HS về khái niệm quản lí thời gian hiệu quả và sự cần thiết của việc quản lí thời gian hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK tr. 33 – 34 và trả lời câu hỏi:

– Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm như thế nào về giá trị của thời gian và việc quản lí thời gian?

– Theo em, thế nào là quản lí thời gian hiệu quả? Việc quản lí thời gian hiệu quả sẽ mang lại lợi ích gì cho mỗi chúng ta?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, nhận xét câu trả lời phù hợp:

– Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Quản lí thời gian hiệu quả giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

Nhiệm vụ 2. Đọc nội dung và trường hợp để thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả.

b) Nội dung: Em hãy đọc nội dung và trường hợp trong SGK tr. 34 – 35 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần nội dung trình bày của HS về các cách quản lí thời gian hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung và trường hợp trong SGK tr. 34 – 35 để thực hiện yêu cầu:

– Em hãy nhận xét cách thực hiện công việc của các nhân vật trong trường hợp ở SGK tr. 35.

– Dựa vào các cách quản lí thời gian hiệu quả, em hãy gợi ý cho các nhân vật cách sử dụng thời gian hợp lí, tối ưu.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nội dung, trường hợp và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp:

– Bạn K và bạn B chưa biết cách quản lí thời gian hiệu quả khi cùng lúc đặt ra quá nhiều mục tiêu và chưa biết sắp xếp công việc để tập trung thời gian đúng mức.

– Bạn K và bạn B có thể quản lí thời gian tốt hơn theo các hướng gợi ý sau:

+ Xác định mục tiêu của từng công việc: tham gia đội tuyển học sinh giỏi, tham gia câu lạc bộ thể thao và dự thi nghiên cứu khoa học. Cần phải lượng sức mình để chọn lựa tham gia tất cả các hoạt động hay tham gia hoạt động nào trước, hoạt động nào sau.

+ Cần phải lên kế hoạch thực hiện chi tiết cho từng công việc.

+ Quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra.

– Để quản lí thời gian hiệu quả, HS cần:

+ Xác định mục tiêu công việc.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc.

+ Thực hiện công việc.

Nhiệm vụ 3. Dựa vào cách quản lí thời gian hiệu quả, hãy xây dựng thời gian biểu theo gợi ý và thuyết trình trước lớp

a) Mục tiêu: HS thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả.

b) Nội dung: Dựa vào cách quản lí thời gian hiệu quả, em hãy xây dựng thời gian biểu theo gợi ý trong SGK tr. 35 và thuyết trình trước lớp.

c) Sản phẩm: Thời gian biểu và phần trình bày của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào biểu mẫu gợi ý trong SGK tr. 35 và hoàn chỉnh mẫu thời gian biểu sao cho phù hợp với bản thân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn chỉnh thời gian biểu và chuẩn bị phần nội dung trình bày trước lớp.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong trình bày về thời gian biểu của bản thân.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và lưu ý cách xây dựng thời gian biểu theo các gợi ý sau:

– Công việc cần phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về mức độ quan trọng, cần thiết.

– Thời gian hoàn thành cần cụ thể, phù hợp với yêu cầu của từng nhiệm vụ.

– Cách thức hoàn thành cần phải đa dạng, phù hợp và khả thi.

– Quản lí thời gian hiệu quả là biết cách sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lí, không lãng phí để hoàn thành công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Quản lí thời gian hiệu quả giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; giảm áp lực, tạo động lực, từng bước hoàn thiện bản thân.

- Cách quản lí thời gian hiệu quả:
 - + Xác định mục tiêu công việc bao gồm danh mục, thời hạn hoàn thành và thứ tự ưu tiên.
 - + Xây dựng kế hoạch thực hiện công việc cần phân bổ thời gian phù hợp với mục tiêu và chọn lựa biện pháp thích hợp.
 - + Thực hiện kế hoạch cần quyết tâm, đảm bảo tính kỉ luật và linh hoạt điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.
- HS cần thường xuyên rèn luyện kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả trong cuộc sống hằng ngày.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ số 1. Viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân dựa vào từ khoá cho sẵn và nhận xét về cách quản lí thời gian từ câu chuyện của chính mình

a) Mục tiêu: HS áp dụng được cách quản lí thời gian hiệu quả để xây dựng câu chuyện về quản lí thời gian và tự nhận xét về cách quản lí thời gian của bản thân.

b) Nội dung: Dựa vào các từ khoá, em hãy viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân. Sau đó, chia sẻ và nhận xét về cách quản lí thời gian của chính mình.

c) Sản phẩm: Câu chuyện của HS về việc quản lí thời gian và phần nhận xét về cách quản lí thời gian của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào các từ khoá trong SGK tr. 36 để viết một câu chuyện về việc quản lí thời gian của bản thân. Sau đó, chia sẻ và nhận xét về cách quản lí thời gian của chính mình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong trình bày trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. Gợi ý: Trong câu chuyện cần sử dụng các từ khoá cho sẵn trong SGK tr. 36 và nói về việc quản lí thời gian có liên quan đến các hoạt động được thể hiện trong các từ khoá.

Nhiệm vụ 2. Dựa vào các cách quản lí thời gian hiệu quả, hãy tư vấn cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp

a) Mục tiêu: HS áp dụng cách quản lí thời gian hiệu quả để tư vấn cách giải quyết trong các trường hợp cụ thể.

b) Nội dung: Dựa vào các cách quản lí thời gian hiệu quả, em hãy tư vấn cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp.

c) Sản phẩm: Phần nội dung tư vấn của HS về cách giải quyết phù hợp trong các trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 37 và suy nghĩ cách tư vấn phù hợp cho các nhân vật.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong chia sẻ về nội dung tư vấn.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Trường hợp 1: Bạn C đã quản lí thời gian chưa hiệu quả nên có nguy cơ sẽ không hoàn thành tốt kì thi học kì. Vì vậy, bạn C nên:

+ Lập thời gian biểu cụ thể, phù hợp để áp dụng, trong đó, cần xác định rõ từng khung thời gian trong ngày gắn với các hoạt động và cần bố trí thời gian thoả đáng cho việc học tập, ôn bài.

+ Quyết tâm thực hiện thời gian biểu đã đề ra. Nếu cần thiết, có thể nhờ sự trợ giúp, nhắc nhở của người thân trong gia đình hoặc bạn bè để có thể thực hiện đúng theo thời gian biểu đã đề ra.

+ Thường xuyên xem xét, đánh giá lại sự phù hợp của thời gian biểu để có sự điều chỉnh kịp thời.

– Trường hợp 2: Bạn A chưa biết cách quản lí thời gian hiệu quả vì cùng lúc thực hiện quá nhiều mục tiêu. Do vậy, các mục tiêu đều không hoàn thành. Bạn A nên:

+ Xác định công việc nào thật sự quan trọng, cần thiết để thực hiện.

+ Xác định thứ tự các công việc cần ưu tiên.

+ Xác định kế hoạch để thực hiện từng công việc.

+ Quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra.

+ Điều chỉnh kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

Nhiệm vụ 3. Dựa vào kết quả thực hiện thời gian biểu của bản thân trong hoạt động khám phá, hãy báo cáo kết quả thực hiện

a) Mục tiêu: HS báo cáo được kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ở nhiệm vụ số 3 của hoạt động khám phá.

b) Nội dung: Dựa vào kết quả thực hiện thời gian biểu của bản thân trong hoạt động khám phá, em hãy báo cáo kết quả thực hiện.

c) Sản phẩm: Phần nội dung báo cáo kết quả thực hiện thời gian biểu của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện thời gian biểu đã lập ở nhiệm vụ số 3 của hoạt động khám phá theo bảng gợi ý trong SGK tr. 37.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để chuẩn bị và báo cáo kết quả thực hiện.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong báo cáo kết quả thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp, khuyến khích HS tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này

a) Mục tiêu: HS tìm được các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này.

b) Nội dung: Em hãy tìm các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này.

c) Sản phẩm: Phần nội dung chia sẻ của HS về cách sử dụng các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...).

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu về các công cụ, phương tiện hỗ trợ việc quản lí thời gian (như sổ tay, phần mềm, ứng dụng,...) và chia sẻ về cách sử dụng các công cụ này.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu. Tùy vào mục tiêu, HS có thể thực hiện nhiệm vụ này ngay tại lớp hoặc về nhà.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ về kết quả thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

Nhiệm vụ 2. Lựa chọn một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện

a) Mục tiêu: HS chọn được một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân.

b) Nội dung: Em hãy lựa chọn một công cụ quản lí thời gian phù hợp để áp dụng cho bản thân và báo cáo kết quả thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện về việc áp dụng một công cụ quản lí thời gian phù hợp của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu một hạn chế của bản thân mà mình muốn khắc phục, lập kế hoạch để khắc phục hạn chế và thực hiện mục tiêu đó trong 1 tháng, sau đó, chia sẻ kết quả với bạn.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS dành thời gian để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả áp dụng công cụ của mình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực thực hiện kế hoạch.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Biết chính xác thế nào là quản lí thời gian hiệu quả; Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả; Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả; Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Biết thế nào là quản lí thời gian hiệu quả nhưng chưa hoàn toàn chính xác, đầy đủ; Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả nhưng chưa đầy đủ; Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả nhưng còn chưa thuần thục. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa biết thế nào là quản lí thời gian hiệu quả; Chưa nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả; Chưa nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả; Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.





Thích ứng với thay đổi

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.
- Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.
- Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.
- Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến thích ứng với thay đổi.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về thích ứng với thay đổi.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Chơi trò chơi *Thử tài nhanh trí*

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: HS chơi trò chơi tranh tài để kể ra những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS kể ra được những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS kể ra những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và tham gia trò chơi, lần lượt kể ra những thay đổi có thể xảy ra đối với bản thân và gia đình.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi theo phương pháp dạy học công não. Sau đó, mời HS phát biểu. Lưu ý: HS phát biểu sau không được trả lời trùng với các bạn trước đó.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào nội dung bài học: Cuộc sống luôn vận động không ngừng và chúng ta rất khó tránh khỏi những điều bất ngờ có thể xảy ra. Do vậy, việc trang bị kĩ năng thích ứng với thay đổi chính là chìa khoá giúp mỗi cá nhân luôn vững tâm trong cuộc sống, đặc biệt là trong thời đại công nghệ số hiện nay.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các hình ảnh và cho biết những thay đổi nào đã xảy ra đối với các nhân vật và hậu quả của những thay đổi đó

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 38 và cho biết những thay đổi nào đã xảy ra đối với các nhân vật và hậu quả của những thay đổi đó.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về những thay đổi đã xảy ra đối với các nhân vật và hậu quả của những thay đổi đó.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 38 và cho biết những thay đổi nào đã xảy ra đối với các nhân vật, hậu quả của những thay đổi đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá kết quả phù hợp và dẫn vào nội dung bài học:

– Hình 1: Nhân vật bị tai nạn, gãy chân và không thể tiếp tục theo đuổi ngành Thể dục thể thao nên phải chuyển sang một ngành học khác.

– Hình 2: Nhân vật bà nội qua đời, gia đình mất đi một thành viên, cuộc sống có nhiều thay đổi, con cháu tưởng nhớ đến bà.

Cuộc sống luôn có nguy cơ xảy ra những thay đổi khó lường nên chúng ta cần phải chấp nhận và đổi diện để thích ứng.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Đọc câu chuyện và các trường hợp để trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được một số thay đổi có nguy cơ xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.

b) Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện và các trường hợp trong SGK tr. 38 – 39 để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS nhận biết được một số thay đổi có nguy cơ xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện và các trường hợp trong SGK tr. 38 – 39 để trả lời câu hỏi:

– Theo em, có những thay đổi nào đã xảy ra với các nhân vật trong câu chuyện và các trường hợp trong SGK tr. 38 – 39?

– Những thay đổi đó đã ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của họ?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc câu chuyện, các trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 HS đại diện phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, tổng kết câu trả lời phù hợp:

– Đối với câu chuyện của thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký: Lúc còn nhỏ, bạn Ký bị ốm nặng, làm cho đôi tay bị liệt, không cử động được. Bạn Ký đã cảm thấy rất buồn, bị bạn bè trêu chọc. Sự thay đổi này là bất ngờ đối với cả Ký và gia đình, dẫn đến rất nhiều bất tiện, khó khăn trong cuộc sống. Đến tuổi đi học, bạn Ký không thể viết bằng tay mà phải thử nhiều biện pháp khác nhau cho đến khi tập được thói quen viết bằng chân. Nhờ nỗ lực phi thường của bản thân và sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình, giáo viên mà Nguyễn Ngọc Ký đã được học hành bài bản, trở thành thầy giáo và để lại một tấm gương sáng cho hậu thế.

– Đối với trường hợp 1: Mẹ bạn K không may bị tai nạn lao động phải nằm viện 6 tháng. Khi đó, bố bạn K phải nghỉ việc để vào bệnh viện chăm sóc cho mẹ. Bạn K thì phải thay bố mẹ để quán xuyến công việc của gia đình. Nếu không có khả năng thích ứng, việc học tập và cuộc sống của bạn K sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

– Đối với trường hợp 2: Bố của bạn C làm ăn bị phá sản, phải bán nhà, dẫn đến cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn, các thành viên đều lo lắng. Đây là một sự thay đổi bất ngờ, không được chuẩn bị tâm thế từ trước nên các thành viên trong gia đình bạn C, nhất là hai mẹ con bạn ấy rất lo lắng. Thực tế này đòi hỏi các thành viên trong gia đình phải cùng nhau cố gắng để vượt lên thì mới có thể từng bước ổn định kinh tế, đảm bảo cuộc sống cho gia đình.

Nhiệm vụ 2. Đọc nội dung và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống và nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

b) Nội dung: Hãy đọc nội dung trong SGK tr. 40 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS chỉ ra được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống và nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK tr. 40 và trả lời câu hỏi:

– Anh B đã làm gì để thích ứng với sự thay đổi của bản thân?

– Để thích ứng với sự thay đổi, cần rèn luyện những kỹ năng nào?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nội dung và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp:

– Thích ứng với thay đổi giúp con người có được sự chủ động trước những khó khăn, biến cố không lường trước để tiếp tục phấn đấu đi đến hạnh phúc và thành công.

– Anh B đã thích ứng với tai nạn gãy chân bằng cách: chấp nhận và đối diện với sự thay đổi của bản thân; giữ được sự bình tĩnh khi tai nạn xảy ra; chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.

– Để thích ứng với thay đổi, cần rèn luyện những kỹ năng: quản lý cảm xúc, giải quyết vấn đề, tư duy tích cực, tư duy sáng tạo,...

Nhiệm vụ 3. Quan sát các hình ảnh để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật

a) Mục tiêu: HS xác định được cách thích ứng với sự thay đổi trong những tình huống cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 41 để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật.

c) Sản phẩm: Nội dung tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 41 để tư vấn cách thích ứng với thay đổi phù hợp cho các nhân vật.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ nội dung tư vấn cho các nhân vật.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết những câu trả lời phù hợp:

– Đối với hình 1: HS nên thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ với cảm xúc lo lắng, buồn rầu của bạn nữ. Đồng thời, nói thêm để bạn nữ hiểu rằng, sinh – tử là quy luật tất yếu của con người. Do vậy, bạn ấy nên dành nhiều thời gian hơn ở bên cạnh và chăm sóc cho ông. Giả sử, ông không qua khỏi thì vẫn còn những người thân, bạn bè bên cạnh bạn ấy. Điều quan trọng là bạn nữ cần học tốt, sống tốt để ông nội luôn cảm thấy vui lòng.

– Đối với hình 2: HS nên chia sẻ với bạn nam về sự lo lắng, bất an, hối tiếc,... mà bạn ấy đang trải qua. Phân tích để bạn ấy hiểu rằng, cần phải dũng cảm nhận lỗi và thông tin cho bố mẹ biết để có được những giải pháp hỗ trợ. Có thể, việc mua máy vi tính sẽ bị hoãn lại nhưng bạn nam cần cố gắng học tập thật tốt để bố mẹ cảm thấy yên tâm. Đến khi mua được máy vi tính rồi, bạn nam cần chịu khó học hỏi để sử dụng vào mục đích phù hợp.

– Một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình như: sức khỏe, điều kiện kinh tế, công việc, sự mất mát, môi trường sống,...

– Thích ứng với thay đổi giúp chúng ta vượt qua được sự thay đổi của hoàn cảnh; sống phù hợp với hoàn cảnh; không ngừng tự hoàn thiện và phát triển bản thân.

– Một số biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống như:

+ Chấp nhận rằng sự thay đổi là tất yếu.

+ Giữ sự bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh.

+ Chủ động tìm cách giải quyết vấn đề theo hướng tích cực.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS lựa chọn, phân tích được cách thích ứng với sự thay đổi phù hợp.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với cách thích ứng với sự thay đổi nào trong các trường hợp trong SGK tr. 41? Vì sao?

c) Sản phẩm: Phần chia sẻ của HS thể hiện và bảo vệ được quan điểm của bản thân đối với các ý kiến.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thể hiện và bảo vệ quan điểm về những ý kiến trong SGK tr. 41 liên quan đến thích ứng với sự thay đổi.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Trường hợp a: Cách làm của bạn M không hoàn toàn phù hợp. Bởi vì, bản thân bạn M phải nỗ lực trước rồi mới nhờ đến sự giúp đỡ của người khác sau.

– Trường hợp b: Cách của bạn A là phù hợp vì việc làm của bạn ấy có thể học được nhiều điều hay, giá trị từ các danh nhân.

– Trường hợp c: Cách của bạn Y là không phù hợp. Bởi vì, khi suy nghĩ tiêu cực sẽ khó tìm ra được giải pháp để giải quyết vấn đề.

– Trường hợp d: Cách của bạn B không phải lúc nào cũng phù hợp. Bởi vì, khi có vấn đề xảy ra, bản thân chúng ta phải nỗ lực trước, nhưng nếu như tình huống quá phức tạp, sau khi cố gắng mà vẫn chưa tìm ra giải pháp phù hợp thì nên hỏi ý kiến và đề nghị sự trợ giúp từ người khác.

Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống

a) Mục tiêu: HS phân tích được sự thích ứng và ý nghĩa của thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 42 để xây dựng bài thuyết trình về sự thích ứng và ý nghĩa của việc thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị bài thuyết trình.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong thuyết trình.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết ý kiến của HS dựa theo gợi ý sau:

– Hình ảnh nói về sức mạnh của nước, là một loại sức mạnh đặc biệt – sức mạnh mềm – sức mạnh của sự thích ứng. Nhờ có sự mềm mại, linh hoạt mà nước có thể vượt qua mọi rào cản để vươn ra biển lớn. Đối với con người cũng vậy, khi có sự mềm mại, linh

hoạt, uyển chuyển thì có thể đối diện, vượt qua mọi khó khăn, áp lực để đạt được hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

– Sự thích ứng có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống, nhất là khi có những biến cố không mong muốn xảy ra. Nhờ có kĩ năng thích ứng, chúng ta có thể bình tĩnh đối diện, phân tích vấn đề và tìm ra giải pháp phù hợp, tích cực nhất.

Nhiệm vụ 3. Đọc các tình huống và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả

a) Mục tiêu: HS biết cách xử lí các tình huống liên quan đến thích ứng với sự thay đổi.

b) Nội dung: Em hãy đọc các tình huống trong SGK tr. 42 và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả.

c) Sản phẩm: Nội dung đề xuất của HS về cách thích ứng với sự thay đổi của nhân vật trong các tình huống một cách phù hợp, hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các tình huống trong SGK tr. 42 và đề xuất cách thích ứng với sự thay đổi một cách phù hợp, hiệu quả.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ để đề xuất cách thích ứng phù hợp cho các nhân vật.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Tình huống 1: Bạn N cần giữ sự bình tĩnh nhất có thể khi nghe tin nhà của mình bị cháy. Sau đó, bạn N có thể rủ bạn C cùng chạy về nhà để xem tình hình như thế nào. Nếu nhà cháy, có thể gọi cho cảnh sát phòng cháy, chữa cháy theo số tổng đài 114 và tham gia cùng với người lớn để dập đám cháy phù hợp với khả năng, sức khỏe của mình. Sau khi đám cháy được dập tắt, bạn N nên cùng với gia đình dọn dẹp và tính toán kế hoạch cho cuộc sống gia đình sắp tới.

– Tình huống 2: Bạn B cần phải đối diện với sự thật là mình bị bỏng và để lại vết sẹo trên khuôn mặt. Bạn B có thể tìm một người bạn thân hoặc ai đó hiểu mình để dễ tâm sự hơn. Với sự tiến bộ của y học và thẩm mĩ như hiện nay thì việc hồi phục khuôn mặt của bạn B là có tính khả thi cao. Hơn nữa, nếu chỉ bị sẹo trên mặt thì bạn B vẫn có thể đi học và cố gắng học tốt để phát triển bản thân.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thích ứng được với sự thay đổi.

b) Nội dung: Em hãy sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết.

c) Sản phẩm: Kịch bản và cách giải quyết của HS đối với câu chuyện hoặc trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS sưu tầm một câu chuyện hoặc một trường hợp chưa thích ứng với sự thay đổi để xây dựng kịch bản và đề xuất cách giải quyết.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện 1 – 2 HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của mỗi nhóm HS.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình; Nhận biết được đầy đủ ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống; Nêu được đầy đủ các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống; Thích ứng được một cách phù hợp, hiệu quả với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống nhưng chưa đầy đủ; Nêu được các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống nhưng chưa đầy đủ; Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân nhưng chưa phù hợp, hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được các thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình; Chưa nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống; Chưa nêu được đầy đủ các biện pháp thích ứng với sự thay đổi trong cuộc sống; Chưa thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.





Tiêu dùng thông minh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh.
- Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.
- Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).
- Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể.
- Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi.

3. Về phẩm chất:

- Trung thực.
- Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến tiêu dùng thông minh.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về tiêu dùng thông minh.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hoạt động “Em là triệu phú”

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Giả sử, em bất ngờ có được số tiền mà mình không ngờ tới, cho biết em sẽ làm gì.

c) Sản phẩm: Phần nội dung chia sẻ về dự định của học sinh với số tiền bất ngờ mà mình có.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ về dự định sử dụng số tiền bất ngờ mà mình có được.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức HS suy nghĩ câu trả lời lồng ghép với chủ đề Tiêu dùng thông minh.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Chúng ta có thể có rất nhiều tiền nhưng nếu không biết cách tiêu dùng một cách phù hợp và thông minh thì cũng có thể nhanh chóng hết, giống như câu nói “Miệng ăn núi lở” mà ông bà ta từng dạy.

Nhiệm vụ 2. Chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy chia sẻ thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó.

c) Sản phẩm: Phần nội dung chia sẻ và nhận xét của HS về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia sẻ về thói quen mua hàng của mình, người thân trong gia đình và nhận xét về thói quen chi tiêu đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho HS suy nghĩ câu trả lời lồng ghép với chủ đề Tiêu dùng thông minh.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr. 43 – 44 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về biểu hiện và ý nghĩa tiêu dùng thông minh của nhân vật trong các hình ảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK tr. 43 – 44 và trả lời câu hỏi:

– Theo em, trong các hình ảnh ở SGK tr. 43 – 44, hành vi tiêu dùng nào là phù hợp và hành vi nào không phù hợp? Vì sao?

– Theo em, các hành vi tiêu dùng này có thể dẫn tới những kết quả như thế nào?

– Từ các hình ảnh, em hãy xác định biểu hiện của người tiêu dùng thông minh và người tiêu dùng kém thông minh. Lợi ích của hành vi tiêu dùng thông minh là gì?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và kết luận câu trả lời phù hợp:

– Hình 1: Hành vi tiêu dùng của nhân vật chưa phù hợp vì nếu chỉ căn cứ vào quảng cáo trên mạng Internet thì chưa đủ để đưa ra quyết định mua hàng. Nhân vật cần tìm hiểu thêm thông tin sản phẩm, giá cả, chất lượng xem có phù hợp với loại da, điều kiện tài chính của bản thân hay không. Nếu mua ngay, có thể gặp phải tình trạng hàng không đảm bảo chất lượng, lãng phí, thậm chí là ảnh hưởng đến sức khỏe.

– Hình 2: Hành vi tiêu dùng của nhân vật là không phù hợp, chưa đảm bảo việc đặt yếu tố an toàn thực phẩm lên trên hết. Nếu mua, giá có thể rẻ nhưng lại có nguy cơ dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

– Hình 3: Hành vi tiêu dùng của nhân vật là phù hợp nếu cửa hàng bán vải đó uy tín, giá cả phải chăng. Khi đó, nhân vật sẽ mua được các mặt hàng chất lượng và cũng phù hợp với mục đích sử dụng vào dịp lễ hội.

– Hình 4: Hành vi tiêu dùng của nhân vật là phù hợp nếu quán bán trà sữa đó đảm bảo yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm và cạnh tranh về giá. Tuy nhiên, nếu chỉ mua vì

giá bán rẻ nhất mà không để ý đến an toàn thực phẩm thì đó là hành vi tiêu dùng chưa thông minh. Điều đó có thể dẫn đến nguy cơ ngộ độc thực phẩm, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe.

– Lợi ích của việc tiêu dùng thông minh: Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.

Nhiệm vụ 2. Đọc nội dung, quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS biết được sự cần thiết xây dựng kế hoạch tiêu dùng thông minh.

b) Nội dung: Em hãy đọc nội dung, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 44 – 45 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS giải thích về sự cần thiết của việc lập kế hoạch tiêu dùng, cách thức sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung, quan sát hình ảnh trong SGK tr. 44 – 45 và trả lời câu hỏi:

– Từ thông tin và hình ảnh 1, theo em, khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý điều gì? Vì sao?

– Từ thông tin và hình ảnh 2, theo em, việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ mang lại những lợi ích gì? Vì sao?

– Từ thông tin và hình ảnh 3, 4, theo em, việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ mang lại lợi ích như thế nào cho người tiêu dùng? Vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nội dung, quan sát hình ảnh và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và tổng kết câu trả lời phù hợp:

– Khi xây dựng kế hoạch tiêu dùng cần lưu ý: kế hoạch phải phù hợp với nhu cầu của bản thân như: thức ăn, nước uống, đồ dùng học tập cần thiết, đi lại,... vì điều này sẽ giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.

– Việc tìm hiểu các thông tin về sản phẩm sẽ giúp người tiêu dùng ra quyết định thông minh, phù hợp nhu cầu và tình hình tài chính cá nhân.

– Việc tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm và phương thức thanh toán sẽ đảm bảo an toàn, bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng.



Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: HS nêu được các cách tiêu dùng thông minh.

b) Nội dung: Em hãy đọc các trường hợp trong SGK tr. 45 – 46 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về cách lập kế hoạch chi tiêu hợp lý phù hợp với bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 45 – 46 và áp dụng các cách tiêu dùng thông minh để gợi ý cho các nhân vật cách chi tiêu phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 4 HS xung phong đại diện phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng hợp các cách tiêu dùng thông minh bao gồm:

– Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.

– Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...): Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.

– Sử dụng sản phẩm an toàn: Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khoẻ.

– Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

– Tiêu dùng thông minh là mua sắm có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân.

– Tiêu dùng thông minh giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm có chất lượng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, thực hiện được kế hoạch chi tiêu, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của người tiêu dùng.

– Cách tiêu dùng thông minh:

+ Xác định nhu cầu chính đáng và lập kế hoạch tiêu dùng: Mua đồ dùng thiết yếu phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của bản thân.

+ *Tìm hiểu thông tin sản phẩm (chất lượng, mẫu mã, giá cả,...):* Chủ động tìm hiểu các thông tin về sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để chọn lọc thông tin một cách chính xác.

+ *Sử dụng sản phẩm an toàn:* Sử dụng đúng cách, đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khỏe.

+ *Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp:* Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến phù hợp với bản thân, tình hình thực tế, kiểm tra kĩ hoá đơn trước khi thanh toán và lưu giữ chứng từ giao dịch để xử lí khi cần thiết.

– HS cần rèn luyện thói quen và tuân thủ cách tiêu dùng thông minh để đảm bảo an toàn tài chính, sức khỏe cho bản thân và gia đình. Đồng thời, khích lệ, tư vấn và thực hiện được những việc làm phù hợp để giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Dựa vào biểu hiện của hành vi tiêu dùng thông minh, nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật

a) Mục tiêu: HS nhận biết được những thói quen tiêu dùng thông minh.

b) Nội dung: Dựa vào biểu hiện của hành vi tiêu dùng thông minh, em hãy nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật trong các trường hợp ở SGK tr. 47.

c) Sản phẩm: Phần nhận xét của HS về những thói quen tiêu dùng thông minh của các nhân vật.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp thể hiện hành vi tiêu dùng trong SGK tr. 47 và nhận xét về thói quen tiêu dùng của các nhân vật.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận thói quen tiêu dùng thông minh:

– Trường hợp c, d: Các nhân vật có thói quen tiêu dùng thông minh, cụ thể là: Tìm hiểu các thông tin về sản phẩm trước khi mua.

– Trường hợp a, b, e: Các nhân vật chưa có thói quen tiêu dùng thông minh.

Nhiệm vụ 2. Vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp cụ thể

a) Mục tiêu: HS xác định hành vi tiêu dùng thông minh cần rèn luyện.

b) Nội dung: Em hãy vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK tr. 47.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về những cách tiêu dùng thông minh trong từng trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS vận dụng cách tiêu dùng thông minh để nhận xét, tư vấn về hành vi mua sắm của nhân vật trong các trường hợp trong SGK tr. 47.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, thảo luận và suy nghĩ để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 đại diện nhóm HS xung phong phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp:

– Bạn A cần phải tìm hiểu rõ nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm để đảm bảo an toàn cho sức khỏe của bản thân và gia đình.

– Bạn K cần phải lên kế hoạch tiêu dùng hợp lí (mua sản phẩm nào, giá cả, chất lượng, số lượng, thương hiệu,...) trước khi vào chợ.

Nhiệm vụ 3. Áp dụng cách tiêu dùng thông minh và tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong một dịp cụ thể sao cho phù hợp

a) Mục tiêu: HS thực hiện được kế hoạch tiêu dùng thông minh và tạo thói quen tiêu dùng thông minh phù hợp.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống giả định trong SGK tr. 47 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch để mua sắm thông minh trong một dịp cụ thể của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống giả định trong SGK tr. 47 và xây dựng kế hoạch mua sắm. Lưu ý: HS cần áp dụng cách tiêu dùng thông minh và tham khảo ý kiến của bố mẹ, người thân để xây dựng kế hoạch mua sắm trong dịp sinh nhật, họp mặt,... sao cho phù hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và thực hiện yêu cầu trong thời gian 1 tuần.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thực hiện trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra nhận xét với các kế hoạch tiêu dùng thông minh sao cho phù hợp, tùy thuộc vào từng bản kế hoạch của HS.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm và chia sẻ về kết quả tìm hiểu

a) Mục tiêu: HS vận dụng và thực hiện tiêu dùng thông minh trong thực tiễn.

b) Nội dung: Em hãy lựa chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày về thông tin sản phẩm và quyết định tiêu dùng của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chọn một hoặc một số sản phẩm cần thiết với bản thân hoặc gia đình để tìm hiểu thông tin của sản phẩm. Sau đó, chia sẻ về kết quả tìm hiểu đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 2 HS chia sẻ thông tin mà mình đã tìm hiểu.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, động viên HS tích cực, sáng tạo trong việc tiêu dùng thông minh, phù hợp với bản thân.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được đầy đủ được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh; Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh; Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...); Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể; Biết khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh nhưng chưa đầy đủ; Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh nhưng chưa đầy đủ; Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...) nhưng chưa đầy đủ; Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể nhưng chưa thường xuyên; Biết khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh; Chưa đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh; nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...); Chưa thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể; Chưa biết khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.
- Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.
- Các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.

2. Năng lực

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.
 - + Các tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí như: hình ảnh mô phỏng hành vi, mô phỏng tình huống.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh:

- Tài liệu: SGK, SBT.
- Mỗi HS chuẩn bị thông tin về những tình huống thực tế liên quan đến việc thực hiện pháp luật của bản thân HS và những người xung quanh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hoạt động “Thử tài nhanh trí”

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Hãy thi tài kể tên các luật, bộ luật của nước ta mà em biết.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tên các luật, bộ luật ở nước ta.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chia nhóm để cùng tham gia tranh tài.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện chia nhóm, thảo luận và suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho 2 nhóm HS thi đua nhau kể tên các luật, bộ luật của nước ta.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Nước ta có rất nhiều luật, bộ luật được ban hành. Là HS, chúng ta cần phải có hiểu biết về pháp luật để không vi phạm pháp luật và bị gánh chịu các trách nhiệm pháp lí.

Nhiệm vụ 2. Quan sát các hình ảnh và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 48 và cho biết chủ thể có hành vi vi phạm gì và phải gánh chịu trách nhiệm như thế nào.

c) Sản phẩm: Phần chia sẻ của HS về các hành vi vi phạm và hậu quả mà các chủ thể phải gánh chịu tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 8 HS/ nhóm), mỗi nhóm là một đội chơi (GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm) và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm: *Em hãy quan sát các hình ảnh trong SGK tr. 48 và cho biết chủ thể có hành vi vi phạm gì và phải gánh chịu trách nhiệm như thế nào.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm để suy nghĩ câu trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV trình chiếu câu hỏi trên màn hình. Trong thời gian 1 phút, các nhóm sẽ thảo luận và ghi lại câu trả lời vào giấy A4 (GV đã chuẩn bị trước đó). Kết thúc phần trả lời, nhóm nào đưa ra kết quả nhanh, chính xác nhất sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần quà do GV chuẩn bị.

* Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập kế tiếp. GV nhận xét, đánh giá câu trả lời phù hợp:

– Hình 1:

+ Hành vi vi phạm: HS chở 3 khi tham gia giao thông; không đội mũ bảo hiểm.

+ Chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm hành chính, cụ thể: Theo quy định của pháp luật hiện hành, lỗi chở 3 và không đội mũ bảo hiểm hay chở quá số người quy định, không đội mũ bảo hiểm là hành vi mà người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy chở quá số người quy định và không đội mũ bảo hiểm (có thể là một người, hai người, ba người hoặc tất cả những người ngồi trên xe đều không đội mũ bảo hiểm). Vì vậy, hành vi này được xác định là hành vi vi phạm pháp luật.

- Về mức phạt khi không đội mũ bảo hiểm: Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP, người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ sẽ bị phạt tiền từ 200 000 đồng đến 300 000 đồng.
- Về mức phạt khi chở 3: Theo quy định của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP, đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy khi có hành vi chở 3 thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo mức phạt như sau: Chở theo 2 người trên xe (trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật) sẽ bị phạt tiền từ 200 000 đồng đến 300 000 đồng; Chở theo 3 người trên xe (trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật) sẽ bị phạt tiền từ 400 000 đồng đến 600 000 đồng.

– Hình 2:

+ Hành vi vi phạm: Doanh nghiệp xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

+ Chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm hành chính hoặc hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cụ thể:

- Hình phạt chính: Theo Điều 4 Nghị định 155/2016/NĐ-CP thì doanh nghiệp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường sẽ bị áp dụng một trong hai hình phạt chính là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Với hình thức phạt tiền, mức phạt tiền tối đa có thể lên đến 2 tỉ đồng cho mỗi hành vi vi phạm.
- Hình phạt bổ sung: Bị tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy phép xử lý chất thải nguy hại/ Giấy phép xả thải khí thải công nghiệp. Mọi hoạt động của doanh nghiệp tạo ra chất thải cần xử lý sẽ bị tạm đình chỉ cho đến khi hết thời hạn xử lý, các hoạt động khác không liên quan đến quá trình xả thải vẫn được phép tiếp tục.

- Xử lí hình sự: Theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bởi khoản 58 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017 về “Tội gây ô nhiễm môi trường” thì các doanh nghiệp có hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường thì tùy vào tính chất, mức độ của hành vi mà có thể bị phạt tiền, bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm vi phạm pháp luật; các loại vi phạm pháp luật

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm vi phạm pháp luật; các loại vi phạm pháp luật.

b) Nội dung: Em hãy quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp trong SGK tr. 49 – 50 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS đưa ra ý kiến thể hiện nội dung về vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trường hợp trong SGK tr. 49 – 50 và thực hiện yêu cầu: *Dựa vào thông tin về các loại vi phạm, em hãy phân tích hành vi vi phạm của chủ thể trong các trường hợp 1, 2, 3 để xác định loại vi phạm pháp luật tương ứng.*

* Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát sơ đồ, đọc thông tin trong bảng và các trường hợp để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS trình bày câu trả lời và các bạn trong lớp nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung, đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Trường hợp 1: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:

+ Hành vi trái pháp luật: Bạn D và anh T sử dụng ma túy.

+ Hành vi có lỗi: Cố ý.

+ Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí:

- Độ tuổi: Bạn D 14 tuổi; anh T 20 tuổi.
- Khả năng nhận thức: Cả hai không bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Khả năng điều khiển hành vi: Không bị rối loạn điều khiển hành vi.

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.

– Trường hợp 2: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:

+ Hành vi trái pháp luật: Anh G chưa đủ 18 tuổi nhưng điều khiển xe máy trên 50 cm³ và chạy quá tốc độ quy định.

+ Hành vi có lỗi: Cố ý.

+ Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí:

- Độ tuổi: Anh G 16 tuổi.
- Khả năng nhận thức: Anh G không bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Khả năng điều khiển hành vi: Anh G không bị rối loạn điều khiển hành vi.

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.

– Trường hợp 3: Phân tích hành vi vi phạm pháp luật:

+ Hành vi trái pháp luật: Ông V sử dụng xe của cơ quan ra ngoài để giải quyết việc riêng.

+ Hành vi có lỗi: Cố ý.

+ Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí:

- Độ tuổi: Ông V là công chức, trên 18 tuổi.
- Khả năng nhận thức: Ông V không bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Khả năng điều khiển hành vi: Ông V không bị rối loạn điều khiển hành vi.

+ Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi sử dụng tài sản công vào việc tư.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu khái niệm, phân loại, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm trách nhiệm pháp lí; các loại trách nhiệm pháp lí và ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.

b) Nội dung: Em hãy quan sát sơ đồ và đọc thông tin trong SGK tr. 50 – 51 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các trách nhiệm pháp lí mà các chủ thể tương ứng với các trường hợp phải gánh chịu (câu trả lời của HS được trình bày trên tờ giấy A3 thông qua kĩ thuật khăn trải bàn).

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc trường hợp trong SGK tr. 50 – 51 và trả lời câu hỏi. GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3, yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy. Cụ thể như sau:

– Nhóm 1, 2: Đọc trường hợp 1, 2 và thực hiện yêu cầu: Dựa vào nội dung từ sơ đồ SGK tr. 50, em hãy xác định các loại trách nhiệm pháp lí mà chủ thể trong trường hợp 1, 2 ở hoạt động 1 phải gánh chịu là gì.

– Nhóm 3, 4: Đọc trường hợp 3 và thực hiện yêu cầu: Dựa vào nội dung từ sơ đồ SGK tr. 50, em hãy xác định các loại trách nhiệm pháp lí mà chủ thể trong trường hợp 3 ở hoạt động 1 phải gánh chịu là gì; Từ thông tin trên, em hãy cho biết mục đích, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.



* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm và viết quan điểm của mình lên trên tờ giấy A3.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện của 4 nhóm HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. GV phân tích từng hành vi và đưa ra hậu quả (sự thiệt hại) về vật chất, thể chất, tinh thần,... và đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Trường hợp 1: Với hành vi của bạn D (14 tuổi) là sử dụng trái phép chất ma túy thì bị truy cứu trách nhiệm hành chính vì theo quy định hiện hành của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy bị truy cứu trách nhiệm hình sự hiện nay không bao gồm hành vi sử dụng ma túy trái phép. Như vậy, có thể thấy, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 không coi hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phạm tội. Vì vậy, người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thế nhưng, mặc dù không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng việc sử dụng trái phép chất ma túy cũng bị xem là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP.

Tuy nhiên, cần lưu ý vì chỉ có sử dụng trái phép chất ma túy là không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn các hành vi khác liên quan đến ma túy thì rất dễ bị truy cứu trách nhiệm hình sự như: sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy,... đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 248, 249, 250 và Điều 251 Bộ luật Hình sự năm

2015). Như vậy, người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà thay vào đó sẽ bị xử lý vi phạm hành chính cụ thể như sau: “Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính”.

Với hành vi của anh T (20 tuổi), theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc bị phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính được áp dụng đối với anh T.

– Trường hợp 2: Hành vi của anh G (16 tuổi) sẽ bị truy cứu trách nhiệm hành chính và dân sự vì:

+ Vi phạm hành chính: Điểm a khoản 4 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP có quy định xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới cụ thể như sau: Phạt tiền từ 400 000 đồng đến 600 000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.

+ Dân sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Đối với trường hợp người con gây tai nạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường do vụ tai nạn gây ra cho bên bị hại. Theo khoản 3 Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015, người đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi gây tai nạn nếu có tài sản thì phải dùng tài sản của mình bồi thường. Trong trường hợp không có tài sản hoặc tài sản không đủ để bồi thường thì cha, mẹ, người giám hộ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Tuy nhiên, người giám hộ sẽ không cần phải bồi thường nếu chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ.

– Trường hợp 3: Với hành vi của ông V thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm kỉ luật vì quy định tại Điều 78, 79 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Đối với hành vi sử dụng xe của cơ quan (tài sản công) vào việc riêng (vi phạm chế độ sử dụng tài sản công): Xe công được hiểu theo nghĩa đơn giản là phương tiện giao thông thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, phục vụ cho mục đích công cộng, hoạt động của các cán bộ nhà nước. Xe công cũng được xem là một loại tài sản công. Vì thế, việc quản lí và sử dụng xe công sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Quản lí, sử dụng tài sản công năm 2017. Tại khoản 4 Điều 10 của Luật này đã nêu rõ về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lí, sử dụng tài sản công như: Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức. Hành vi sử dụng xe công sai mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức sẽ bị xử phạt hành chính theo Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lí, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước. Tại điểm c khoản 2 Điều 8

Mục 1 Chương II Nghị định này quy định: Phạt tiền đối với hành vi giao, sử dụng tài sản công không đúng mục đích. Cụ thể, phạt từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

– Mục đích, ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:

+ Giúp ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

+ Giúp giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng, chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

– Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

– Các loại vi phạm pháp luật bao gồm: vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỉ luật.

– Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi do Nhà nước quy định từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

– Các loại trách nhiệm pháp lí bao gồm: trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật, trách nhiệm dân sự.

– Ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí:

+ Giúp ngăn ngừa, giáo dục, cải tạo đối với những hành vi vi phạm pháp luật.

+ Giúp giáo dục mọi người có ý thức tôn trọng, chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

+ Giúp củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật.

– Mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã học về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí để đưa ra được nhận định đúng/ sai đối với các ý kiến.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với các nhận định nào trong SGK tr. 52? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS đối với các ý kiến trong SGK tr. 52.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các nhận định trong SGK tr. 52 và làm việc cá nhân, suy nghĩ để biết quan điểm của mình đối với các ý kiến. Trong quá trình HS đọc các ý kiến, GV quan sát HS làm việc để hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những

HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trình bày quan điểm cá nhân đối với các ý kiến, các bạn khác trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và đánh giá, đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Ý kiến a: Đồng tình. Vi trách nhiệm pháp lí được hiểu là một loại trách nhiệm, một nghĩa vụ mà công dân cần phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Hiểu theo cách truyền thống, trách nhiệm pháp lí là những hậu quả mà cá nhân, tổ chức phải chịu khi có dấu hiệu vi phạm hoặc thực hiện không đầy đủ các hành vi mà pháp luật quy định.

– Ý kiến b: Không đồng tình. Vi vi phạm pháp luật phải đủ cấu thành các yếu tố như: Hành vi trái pháp luật; hành vi có lỗi của chủ thể; hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí; hành vi nguy hiểm cho xã hội.

– Ý kiến c: Không đồng tình. Vì trẻ em là người dưới 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 của Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

– Ý kiến d: Không đồng tình. Vì theo quy định tại khoản 2 của Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi cũng là chủ thể của vi phạm pháp luật.

– Ý kiến e: Đồng tình. Vì một vi phạm pháp luật vẫn có thể vừa gánh trách nhiệm hành chính, vừa gánh trách nhiệm dân sự (ví dụ: hành vi vượt đèn đỏ và gây tai nạn).

Nhiệm vụ 2. Xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể và cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì

a) Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã học về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí để phân tích đánh giá được các hành vi vi phạm cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy xác định các hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể trong SGK tr. 52 và cho biết trách nhiệm pháp lí mà họ phải chịu là gì.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS xác định các hành vi vi phạm của các chủ thể và trách nhiệm pháp lí tương ứng mà họ phải gánh chịu.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi HS đọc kĩ các hành vi trong SGK tr. 52 và xác định hành vi vi phạm phải gánh chịu trách nhiệm pháp lí gì. Sau đó, các HS lại tiếp tục chia sẻ với HS khác hoặc với cả lớp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời và các nhóm khác nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định từng cá nhân trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Trường hợp a: Hành vi vi phạm của ông B là tự ý xây nhà cao tầng khi chưa có Giấy phép xây dựng. Hành vi này của ông B là vi phạm hành chính và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hành chính. Theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014, điều kiện khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ chỉ cần có giấy phép xây dựng đối với nhà ở theo quy định phải có giấy phép. Theo khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP, hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng bị phạt tiền như sau: Phạt tiền từ 10 – 20 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử – văn hoá tại nông thôn; Phạt tiền từ 20 – 30 triệu đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Biện pháp khắc phục hậu quả là theo khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP, ngoài mức phạt tiền trên thì người có hành vi xây dựng nhà không phép bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm nếu mà hành vi vi phạm đã kết thúc (đã xây xong).

– Trường hợp b: Hành vi vi phạm của anh K là cướp giật điện thoại của người đi đường. Hành vi này của anh K là vi phạm hình sự và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hình sự. Tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

– Trường hợp c: Hành vi vi phạm của chị H là vay tiền của bà V 200 triệu đồng nhưng không trả và bỏ trốn. Hành vi này của chị H là vi phạm dân sự và sẽ phải gánh chịu trách nhiệm dân sự. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, người đi vay phải có nghĩa vụ trả nợ cho người vay. Ngoài ra, nếu đến thời hạn trả nợ mà người đi vay không trả hoặc không trả đủ số tiền đã vay thì người cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tuy nhiên, tùy vào mức độ, tính chất cũng như giá trị của khoản vay mà người đi vay có thể bị xử phạt hình sự với tội danh Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

– Trường hợp d: Hành vi vi phạm của anh N là uống rượu bia, điều khiển xe máy đâm vào xe của chị T, gây hư hỏng nặng. Hành vi này của anh N là vi phạm hành chính, dân sự sẽ phải gánh chịu trách nhiệm hành chính, dân sự, cụ thể như sau:

+ Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại

xe tương tự xe ô tô; xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy; xe máy kéo, xe máy chuyên dùng vi phạm quy tắc giao thông đường bộ: Đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy:

Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. Hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng.

Phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ; Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. Hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng.

Phạt tiền từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; Hoặc không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ. Người điều khiển xe còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.

+ Trách nhiệm dân sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Đối với trường hợp người con gây tai nạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường do vụ tai nạn gây ra cho bên bị hại.

Nhiệm vụ 3. Xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng trong các trường hợp

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã có để đánh giá, nhận xét, xử lý các tình huống giả định, giúp HS có thể áp dụng vào đời sống.

b) Nội dung: Em hãy xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng với các trường hợp trong SGK tr. 53.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS xác định dấu hiệu vi phạm, loại vi phạm và trách nhiệm pháp lý tương ứng với các trường hợp cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK tr. 53 và thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu gắn với từng trường hợp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả làm việc.

* Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:

Trường hợp	Dấu hiệu vi phạm	Loại vi phạm	Trách nhiệm pháp lí
1. Đội quản lí thị trường số 4 của tỉnh H đã tổ chức kiểm tra đột xuất trên địa bàn và phát hiện hộ kinh doanh của anh K 35 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, đang tàng trữ, buôn bán nhiều mặt hàng giả.	– Hành vi trái pháp luật: Hộ kinh doanh K tàng trữ, buôn bán nhiều mặt hàng giả. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Anh K 35 tuổi. + Khả năng nhận thức: Tốt. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh K không bị tâm thần. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Gây thiệt hại.	Hình sự	Truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn bán hàng giả được quy định tại Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
2. Sau khi được chị B cho mượn xe, anh H 20 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, đã đem chiếc xe ấy đến cửa hàng mua bán xe máy và bán với giá 5 triệu đồng.	– Hành vi trái pháp luật: Anh H mượn xe của chị B đem đi bán lấy tiền. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Anh H 20 tuổi. + Khả năng nhận thức: Anh H không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh H không bị rối loạn điều khiển hành vi. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại và nguy hiểm cho xã hội.	Hình sự	Truy cứu trách nhiệm hình sự vì hành vi của anh H đã đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định cụ thể tại Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Anh M 30 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, kí hợp đồng thoả thuận việc bán cho chị V toàn bộ sản lượng tôm nuôi của mùa vụ chính. Sau đó, không bán do giá thị trường tăng cao. – Hành vi trái pháp luật: Anh M kí hợp đồng thoả thuận việc bán cho chị V toàn bộ sản lượng tôm nuôi của mùa vụ chính. Sau đó, không bán do giá thị trường tăng cao. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Anh M 30 tuổi. + Khả năng nhận thức: Anh M không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Anh M không bị rối loạn điều khiển hành vi. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi gây ra thiệt hại cho chị V.	Dân sự	Truy cứu trách nhiệm dân sự vì anh M đã vi phạm hợp đồng mua bán với chị V. Anh M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là biện pháp khắc phục được quy định tại nhiều điều luật khác nhau gồm Điều 13, Điều 360, và Điều 419 trong Bộ luật Dân sự năm 2015, cùng với Điều 302 trong Luật Thương mại năm 2005.
4. Chị K 29 tuổi, có khả năng nhận thức tốt, không bị tâm thần, là viên chức của một cơ quan hành chính sự nghiệp. Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, chị K đã có lời lẽ, cử chỉ xúc phạm ông T. – Hành vi trái pháp luật: Chị K là viên chức có lời lẽ, cử chỉ xúc phạm ông T. – Hành vi có lỗi: Cố ý. – Hành vi của chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lí: + Độ tuổi: Chị K 29 tuổi. + Khả năng nhận thức: Chị K không bị mất năng lực hành vi dân sự. + Khả năng điều khiển hành vi: Chị K không bị rối loạn điều khiển hành vi. – Hành vi nguy hiểm cho xã hội: Đây là hành vi ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông T.	Kỉ luật	Truy cứu trách nhiệm kỉ luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP: “Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100 000 đồng đến 300 000 đồng đối với một trong những hành vi có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật (có thể chọn pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về giao thông, pháp luật về hành chính,...) trong phạm vi lớp học

a) Mục tiêu: HS lập được kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật.

b) Nội dung: Em hãy lập kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật (có thể chọn pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về giao thông, pháp luật về hành chính,...) trong phạm vi lớp học.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền pháp luật của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lập kế hoạch tuyên truyền pháp luật theo yêu cầu trong SGK tr. 53.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV có thể giao nhiệm vụ cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà. Sau đó, tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

* Tổ chức điều hành: GV tổ chức cho HS nộp sản phẩm, sau đó, GV bốc thăm bất kì một kế hoạch của HS và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá. GV hướng dẫn HS cách thức xây dựng một kế hoạch tuyên truyền pháp luật, đảm bảo gồm có các yêu cầu sau:

- Mục đích, yêu cầu của kế hoạch.
- Đối tượng của kế hoạch.
- Nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch.
- Kinh phí thực hiện kế hoạch.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch,...

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý; Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể; Biết nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. Đánh giá học sinh ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý nhưng chưa đầy đủ; Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý nhưng chưa đầy đủ; Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể nhưng chưa đầy đủ; Biết nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa thường xuyên. Đánh giá học sinh ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Chưa nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lý; Chưa phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý trong một số tình huống cụ thể; Chưa nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. Đánh giá học sinh ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- Trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

2. Về năng lực:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Về phẩm chất:

Trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tài liệu: SGK, SGV, SBT.
- Thiết bị dạy học:
 - + Các video clip có nội dung liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
 - + Tranh, hình ảnh thể hiện nội dung về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
 - + Máy chiếu đa năng, máy tính,... (nếu có).

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

Nhiệm vụ 1. Hoạt động “Thử tài kinh doanh”

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của

bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Giả sử, em muốn trở thành một doanh nhân thành đạt và bắt đầu kinh doanh. Cho biết em sẽ lựa chọn kinh doanh gì và giải thích tại sao.

c) Sản phẩm: Câu trả lời về dự định kinh doanh và giải thích lí do tại sao của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS có thể làm việc nhóm hoặc cá nhân để suy nghĩ câu trả lời.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ghép nhóm hoặc mỗi cá nhân suy nghĩ để trả lời.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho đại diện các nhóm hoặc một số HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn vào nội dung bài học: Công dân có quyền tự do kinh doanh nhưng tự do trong khuôn khổ của pháp luật và cần phải lưu ý đến nghĩa vụ nộp thuế khi kinh doanh.

Nhiệm vụ 2. Chia sẻ về hiểu biết của bản thân

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS, giúp HS huy động kiến thức, kĩ năng của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b) Nội dung: Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.

c) Sản phẩm: Phần nội dung chia sẻ của HS về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 6 – 8 HS/ nhóm), mỗi nhóm là một đội chơi (GV có thể linh hoạt sử dụng các kĩ thuật chia nhóm) và giao nhiệm vụ học tập cho từng nhóm: *Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền và nghĩa vụ của công dân khi tham gia hoạt động kinh doanh.*

* Thực hiện nhiệm vụ:

– GV trình chiếu yêu cầu trên màn hình. Trong thời gian 1 phút, các nhóm sẽ thảo luận và ghi lại câu trả lời vào giấy A4 (GV chuẩn bị trước đó). Kết thúc phần trả lời, nhóm nào đưa ra kết quả nhanh, chính xác nhất sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần quà do GV chuẩn bị.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1 – 3 HS đại diện trả lời, cả lớp nhận xét và bổ sung.

* Kết luận, nhận định: HS xác định nhiệm vụ cần thực hiện và sẵn sàng tham gia vào hoạt động học tập kế tiếp. GV nhận xét, đánh giá câu trả lời phù hợp: Quyền tự

do kinh doanh là một bộ phận hợp thành trong hệ thống các quyền cơ bản của công dân. Trong các quyền cơ bản của công dân thì quyền tự do kinh doanh là một bộ phận quan trọng và được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, cũng như các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Để tiến hành các hoạt động kinh doanh, công dân phải chấp hành các nghĩa vụ mà pháp luật quy định chung cho các chủ thể kinh doanh và các nghĩa vụ riêng biệt cho từng đối tượng, loại hình, ngành nghề kinh doanh. Tóm lại, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh được thực hiện thì cần phải thể chế hoá bằng các quy định của pháp luật như: Điều 33 Hiến pháp năm 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022, Luật Đầu tư năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin, các trường hợp trong SGK tr. 54 – 55 và thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS đưa ra các ý kiến thể hiện nội dung quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin, trường hợp trong SGK tr. 54 – 55 và đánh giá hành vi của chủ thể trong các trường hợp có phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh công dân không. Giải thích vì sao.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và thực hiện yêu cầu. GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời, ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS trình bày câu trả lời và các bạn trong lớp nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung của hoạt động liên quan đến quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh theo các gợi ý sau:

– Trường hợp 1: Hành vi của anh H trong các trường hợp 1 là không phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Bởi vì, anh H đã chủ

động nhập thêm các mặt hàng không nằm trong danh mục đăng kí kinh doanh. Trong trường hợp này, nếu anh H có nhu cầu thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng kí kinh doanh của cửa hàng thì cần phải gửi thông báo đến Phòng Đăng kí kinh doanh (ở nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định 01/2021/NĐ-CP để thông báo thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục II-1 ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT).

– Trường hợp 2: Hành vi của bà N trong trường hợp 2 là không phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự do kinh doanh của công dân. Bởi vì, bà N đã chủ động nhập hàng giả để kinh doanh. Bản thân bà N đã vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm hành chính. Cụ thể, Chi cục Quản lí thị trường đã lập Biên bản xử phạt bà N số tiền 50 triệu đồng, đồng thời đã tiêu huỷ toàn bộ số hàng giả. Hành vi của bà N là đáng bị lên án vì sẽ để lại hậu quả cho người tiêu dùng, gây ảnh hưởng đến xã hội. Ngoài ra, theo Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội sản xuất, buôn bán hàng giả như sau:

1. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các Điều 193, 194 và 195 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 1 tỉ đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng kĩ thuật, công dụng trị giá từ 30 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các Điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

Như vậy, việc kinh doanh hàng giả có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các Điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì sẽ bị xử lí hình sự.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong nộp thuế

a) Mục tiêu: HS nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong nộp thuế.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin và trường hợp trong SGK tr. 55 – 56 để thực hiện yêu cầu.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS về các quy định của pháp luật về nghĩa vụ của công dân trong nộp thuế.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin và trường hợp trong SGK tr. 55 – 56 để thực hiện yêu cầu:

– Em hãy phân tích hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D trong trường hợp.

– Em hãy cho biết vì sao việc nộp thuế vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của công dân.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các thông tin và trường hợp để thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trình bày câu trả lời và các bạn trong lớp nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và chốt các ý theo nội dung của hoạt động liên quan đến quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong nộp thuế như sau:

– Phân tích hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D trong trường hợp: Hành vi vi phạm trong việc nộp thuế của anh D là chưa nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm. Theo đó, cơ sở pháp lý dựa trên khoản 3 Điều 17 Luật Quản lý thuế năm 2019. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp thuế gồm: Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn theo quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn ghi trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế. Như vậy, anh D phải nộp tiền thuế và tiền chậm nộp thuế. Việc tính tiền chậm nộp tiền phạt được quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

– Nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân vì những lý do sau:

+ Thứ nhất, chúng ta cần phải hiểu rằng, mọi tổ chức trong xã hội đều phải có nguồn kinh phí để hoạt động, trong khi đó, Nhà nước là một tổ chức xã hội đặc biệt, được xây dựng để bảo vệ người dân, vì những lợi ích của nhân dân nên cũng cần nguồn kinh phí để hoạt động.

+ Thứ hai, công dân là những người được Nhà nước phục vụ và bảo vệ nên công dân có nghĩa vụ phải đóng thuế cho Nhà nước.

+ Thứ ba, mọi chính sách của Nhà nước đều xây dựng dành cho toàn dân, nên công dân khi đóng thuế sẽ được hưởng những quyền lợi từ ngân sách nhà nước.

+ Thứ tư, Nhà nước dùng thuế là một công cụ để điều tiết thị trường, hướng dẫn tiêu dùng, đảm bảo cho sự công bằng giữa các nhóm lợi ích xã hội vì lợi ích của công dân.

Vậy nên, mọi công dân cần phải biết những khoản thuế được thu đó đều được dùng vào việc phục vụ cho nhân dân. Do đó, nộp thuế là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, khi công dân nộp thuế theo quy định sẽ được hưởng những quyền lợi của Nhà nước.

+ Ví dụ về nghĩa vụ của người nộp thuế: Mọi công dân phải nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, cụ thể với một số loại thuế như sau: thuế giá trị gia tăng khi mua hàng hoá; thuế nhập khẩu khi mua những sản phẩm từ nước ngoài; thuế thu nhập cá nhân cho cơ quan thuế khi có thu nhập lớn.

+ Ví dụ về quyền lợi của người nộp thuế: Người nộp thuế sẽ được hưởng những quyền lợi như sau: Sử dụng những công trình công cộng như: đường, công viên,...; được sử dụng hệ thống nước sạch do Nhà nước xây dựng; được sử dụng mạng lưới hệ thống điện; được hỗ trợ những vấn đề xã hội như hộ nghèo, khó khăn do thiên tai, bệnh tật,...

Như vậy, nghĩa vụ và quyền lợi luôn đi kèm với nhau, khi đóng thuế đầy đủ thì người dân luôn được hưởng những quyền lợi.

– Những quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế:

+ Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh:

• Quyền: tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh; quyền tự chủ kinh doanh (vốn, thị trường, khách hàng, lĩnh vực đầu tư, kinh doanh,...).

• Nghĩa vụ: tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp và người tiêu dùng; tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.

+ Nghĩa vụ và quyền của công dân về nộp thuế:

• Nghĩa vụ: đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn.

• Quyền: cung cấp thông tin để thực hiện quyền, nghĩa vụ nộp thuế; được giữ bí mật thông tin, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế; được hưởng ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế;...

– Mọi người phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong kinh doanh và nộp thuế.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Bày tỏ quan điểm đối với các ý kiến

a) Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã học về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế để đưa ra được nhận định đồng tình/ không đồng tình đối với các ý kiến.

b) Nội dung: Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến nào trong SGK tr. 57? Vì sao?

c) Sản phẩm: Quan điểm của HS đối với các ý kiến trong SGK tr. 57.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các nhận định và làm việc cá nhân để suy nghĩ để biết quan điểm của mình đối với các ý kiến. Trong quá trình GV đọc các ý kiến, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các ý kiến và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện HS trình bày quan điểm đối với các ý kiến, các bạn trong lớp nhận xét ý kiến của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp ý kiến của HS và đánh giá, đưa ra câu trả lời phù hợp:

– Ý kiến a: Đồng tình. Vì doanh nghiệp trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân phải có trách nhiệm thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên theo tháng, quý hoặc theo từng lần phát sinh.

– Ý kiến b: Không đồng tình. Vì công dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, quy mô kinh doanh. Bên cạnh đó, pháp luật cũng đưa ra những ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2022.

– Ý kiến c: Đồng tình. Vì ngày nay, kinh doanh không chỉ quan tâm tìm kiếm cơ hội kinh doanh, gia tăng lợi nhuận mà còn phải đảm bảo trách nhiệm xã hội. Nhờ đó, các cá nhân, tổ chức mới có thể đạt tới thành công và đảm bảo sự phát triển bền vững.

– Ý kiến d: Không đồng tình. Vì theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đăng kí, thông báo với cơ quan đăng kí kinh doanh khi có thay đổi nội dung, thông tin đăng kí doanh nghiệp (thay đổi ngành, nghề kinh doanh,...) theo Điều 31 của Luật này.

Nhiệm vụ 2. Nhận xét và cho biết hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của các chủ thể

a) Mục tiêu: HS dựa vào kiến thức đã học về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế để phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm trong các trường hợp cụ thể.

b) Nội dung: Em hãy nhận xét và cho biết hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của các chủ thể trong các trường hợp ở SGK tr. 58.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS nhận xét và cho biết hậu quả của các hành vi vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi HS đọc kĩ các hành vi trong các trường hợp ở SGK tr. 58 và xác định hành vi vi phạm và hậu quả phải gánh chịu của hành vi đó là gì. Sau đó, các HS lại tiếp tục chia sẻ với HS khác hoặc với cả lớp.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 5 HS đại diện trả lời và các HS khác lớp nhận xét câu trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định từng cá nhân trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:

+ Trường hợp a: Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời gian quy định của chị B sẽ gây ra hậu quả là chị B bị xử phạt hành chính (căn cứ Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế).

+ Trường hợp b: Hành vi nhập lậu các linh kiện điện tử để bán của doanh nghiệp B sẽ gây ra hậu quả là doanh nghiệp này bị xử phạt vi phạm hành chính. Đối với hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu chưa đến mức xử lý hình sự thì áp dụng xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định 98/2020/NĐ-CP.

+ Trường hợp c: Hành vi muốn thành lập công ty nhưng không đủ điều kiện nên đã nhờ người khác đứng tên thay của chị M được xem là hành vi gian dối và bị cấm theo quy định của pháp luật, sẽ gây ra hậu quả là chị M bị xử phạt hành chính. Cụ thể: Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng kí doanh nghiệp, hồ sơ đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp (căn cứ theo Điều 43 Nghị định 122/2021/NĐ-CP).

+ Trường hợp d: Hành vi vi phạm nhờ bạn bè đứng tên cho một số khoản thu nhập để trốn thuế thu nhập cá nhân của chị H sẽ gây ra hậu quả là chị H bị xử phạt vi phạm hành chính (căn cứ theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về

thuế, hoá đơn). Tuỳ theo tính chất, mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội trốn thuế theo Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Trường hợp e: Hành vi vi phạm kê khai thông tin không chính xác, thiếu trung thực và nộp hồ sơ thuế không đúng hạn của doanh nghiệp A sẽ gây ra hậu quả là doanh nghiệp này bị xử phạt hành chính (căn cứ Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế).

+ Trường hợp g: Hành vi vi phạm thoả thuận với công nhân ghi tiền lương trong hợp đồng lao động thấp hơn so với mức lương thực tế để trốn thuế của Công ty V sẽ gây ra hậu quả là công ty này sẽ bị xử phạt hành chính (căn cứ theo quy định tại Điều 17 Nghị định 125/2020/NĐ-CP). Tuỳ theo tính chất và mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội trốn thuế theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bởi điểm a khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2017.

Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu: HS nêu được trách nhiệm công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung: Em hãy đọc tình huống trong SGK tr. 58 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phần trình bày của HS xác định được trách nhiệm của công dân về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc trường hợp trong SGK tr. 58 và trả lời câu hỏi. GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3, yêu cầu HS viết câu trả lời trên giấy. Cụ thể như sau:



* Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống, thảo luận nhóm và viết câu trả lời của mình lên trên tờ giấy A3.

* Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện của 4 nhóm HS phát biểu câu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp. GV phân tích từng hành vi và đưa ra hậu quả (sự thiệt hại) về vật chất, thể chất, tinh thần,... theo gợi ý sau: Chị H đã hướng dẫn chu đáo để giúp người nộp thuế hiểu thêm về các chính sách và thủ tục hành chính thuế, nhất là các quy định mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Chị H đã hỗ trợ cho nhiều cá nhân, tổ chức biết rõ các thông tin về thuế và giúp họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế của mình. Như vậy, công dân cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, cũng như đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong kinh doanh và nộp thuế.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế

a) Mục tiêu: HS thiết kế được thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

b) Nội dung: Em hãy thiết kế thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.

c) Sản phẩm: Sản phẩm thiết kế thể hiện thông điệp về ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm HS.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS có thể thực hiện nhiệm vụ ở nhà trong thời gian 1 tuần. HS nộp bài trên trang Padlet.

* Tổ chức điều hành: GV mời 2 – 3 HS trình bày sản phẩm đã thực hiện vào buổi học sau.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và kết luận, đánh giá.

Nhiệm vụ 2. Viết một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế mà em biết (có thể sưu tầm từ trên báo, mạng xã hội,...) về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra bài học cho bản thân

a) Mục tiêu: HS viết được bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra được bài học cho bản thân.

b) Nội dung: Em hãy viết một bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế mà em biết (có thể sưu tầm từ trên báo, mạng xã hội,...) về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân.

c) Sản phẩm: Bài phân tích, đánh giá về một hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế và bài học rút ra cho bản thân của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS viết một bài phân tích, đánh giá theo yêu cầu trong SGK tr. 58.

* Thực hiện nhiệm vụ: HS có thể thực hiện hoạt động này ở nhà. Sau đó, GV tổ chức cho HS báo cáo, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

* Tổ chức điều hành: GV tổ chức cho HS nộp sản phẩm. GV bốc thăm bất kì một số bài viết của HS và yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.

* Kết luận, đánh giá: GV tổng hợp nội dung HS trình bày và đưa ra kết luận, đánh giá.

GV hướng dẫn HS tham khảo dàn ý sau:

– Mở bài: Giới thiệu về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Đây còn là công cụ pháp lí để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm quyền này.

– Thân bài:

+ Trình bày về những việc làm thể hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của công dân:

- HS trình bày những việc làm thể hiện về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế của công dân trong đời sống.
- HS nêu ra những hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.
- HS đưa ra những nhận xét của bản thân về việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế và rút ra bài học cho bản thân.

– Kết bài:

+ Khẳng định ý nghĩa của quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế đối với sự phát triển của xã hội.

+ HS kêu gọi, đề xuất các phương án khắc phục những vấn đề còn tồn tại: Các cấp

chính quyền cần có các chỉ đạo kịp thời, sát sao hơn trong công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật cho người dân; Tăng cường kiểm tra, có những biện pháp răn đe, xử phạt nghiêm đối với những hành vi vi phạm,...

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát thái độ, hành vi của HS để đánh giá:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Biết vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng chưa đầy đủ; Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng chưa đầy đủ; Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng chưa đầy đủ; Biết vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế nhưng chưa hiệu quả. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: Chưa nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Chưa phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Chưa nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế; Chưa biết vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 9, TẬP MỘT
Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 9, TẬP HAI
Sách giáo viên
3. TOÁN 9
Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 9
Friends Plus – Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9
Sách giáo viên
6. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9
Sách giáo viên
7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9
Sách giáo viên
8. TIN HỌC 9
Sách giáo viên
9. CÔNG NGHỆ 9 – Định hướng nghề nghiệp
Sách giáo viên
10. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà
Sách giáo viên
11. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Nông nghiệp 4.0
Sách giáo viên
12. CÔNG NGHỆ 9 – Trải nghiệm nghề nghiệp
Mô đun Cắt may
Sách giáo viên
13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 9
Sách giáo viên
14. ÂM NHẠC 9
Sách giáo viên
15. MĨ THUẬT 9 (1)
Sách giáo viên
16. MĨ THUẬT 9 (2)
Sách giáo viên
17. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 9 (1)
Sách giáo viên
18. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 9 (2)
Sách giáo viên

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40359-9



9 786040 403599

Giá: 22.000đ